

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ NĂNG LỰC

**CÔNG TY TNHH XD-TM-DV-SX
PHÁT HÙNG KHANG**



Văn phòng: Số 73 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh.

ĐT : 02763.618.619

Email: phathungkhang@gmail.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ PHÁP LÝ



Văn phòng: Số 73 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh.

ĐT : 02763.618.619

Email: phathungkhong@gmail.com

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3901219829

Đăng ký lần đầu: ngày 10 tháng 03 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 25 tháng 04 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XD - TM - DV - SX PHÁT
HÙNG KHANG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, Phường Hiệp Ninh, Thành phố
Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0276.3618619

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

3.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Ba tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	TRẦN VÕ ĐÔNG GIANG	Việt Nam	Số B10/6 Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	1.800.000.000	60,000	072078013991	
2	PHẠM NGUYỄN TỐ MAI	Việt Nam	Số 73 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam	1.200.000.000	40,000	072181003536	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRẦN VÕ ĐÔNG GIANG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc

Sinh ngày: *01/01/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *072078013991*

Ngày cấp: *14/02/2022*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số B10/6 Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số B10/6 Điện Biên Phủ, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Thắm

Tây Ninh, ngày 11 tháng 05 năm 2022

Số:



6451/22

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Tỉnh Tây Ninh

Địa chỉ trụ sở: Số 300 đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 2, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0276 3822854 Fax:

Email: dkkdtayninh@gmail.com Website:

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH XD - TM - DV - SX PHÁT HƯNG KHANG

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 3901219829

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
2	Phá dỡ	4311
3	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4	Lắp đặt hệ thống điện	4321
5	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
6	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
7	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
8	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
9	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
10	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
11	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước.	4322
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

STT	Tên ngành	Mã ngành
15	Xây dựng nhà để ở	4101
16	Xây dựng nhà không để ở	4102
17	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
18	Xây dựng công trình đường sắt	4211
19	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: "Khảo sát xây dựng; Lập thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình: Dân dụng, Công nghiệp, Giao thông, Hạ tầng kỹ thuật, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thiết kế nội, ngoại thất công trình; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy công trình; Giám sát thi công xây dựng công trình: Dân dụng, Công nghiệp, Giao thông, Hạ tầng kỹ thuật, Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị vào công trình; Giám sát khảo sát xây dựng; Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Kiểm định xây dựng; Lập dự án đầu tư; Tư vấn đấu thầu; Lập tổng dự toán và dự toán các công trình xây dựng; Thẩm tra dự toán; Thẩm tra an toàn giao thông; Hoạt động đo đạc và bản đồ; Lĩnh vực hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan khác"	7110(Chính)
20	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21	Xây dựng công trình điện	4221
22	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
23	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
24	Xây dựng công trình công ích khác	4229
25	Xây dựng công trình thủy	4291
26	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
27	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
28	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
29	Doanh nghiệp chỉ hoạt động ngành nghề kinh doanh có điều kiện khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật hiện hành	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Nơi nhận:

-CÔNG TY TNHH XD - TM - DV - SX
PHÁT HÙNG KHANG. Địa chỉ: Số 73,
đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp
Thạnh, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây
Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

.....;
- Lưu: Nguyễn Ngọc Đỗ Uyên.....



Phạm Hồng Thắm

Số: 133 /QĐ-SXD

Tây Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng
cho tổ chức tham gia hoạt động xây dựng

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 53/QĐ-SXD ngày 09/4/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh về việc kiện toàn Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất Phát Hưng Khang.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3901219829.
- Đăng ký lần đầu ngày 10/3/2016, thay đổi lần thứ 4 ngày 25/4/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.
- Tên người đại diện theo pháp luật: Trần Võ Đông Giang, chức vụ: Giám đốc.
- Số điện thoại: 0276.3618619.
- Email:./.
- Website:./.



- Địa chỉ trụ sở chính: Số 73, Đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Phạm vi hoạt động xây dựng.

- Khảo sát địa chất công trình: hạng II.
- Khảo sát địa hình: hạng III.

Điều 3. Hội đồng xét cấp chứng chỉ năng lực, các phòng ban thuộc Sở, cho Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ - Sản xuất Phát Hưng Khang, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Sở XD;
- Lưu VT, VP.Phương.



Số chứng chỉ: TAN-00007056

Nguyễn Nam Hưng



CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: TAN-00007056

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 133/QĐ-SXD ngày 31/7/2024)

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG - THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ - SẢN XUẤT PHÁT HÙNG KHANG.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số: 3901219829

Ngày cấp: 10/3/2016, thay đổi lần 04 ngày 25/4/2023.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông: Trần Võ Đông Giang

Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 73, Đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, Phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Số điện thoại: 0276.3618619

Số fax: ./.

Email: ./.

Website: ./.

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát địa chất công trình: Hạng II.
2. Khảo sát địa hình: Hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày 31/7/2034.

Tây Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2024

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Nam Hưng

BỘ XÂY DỰNG

Số: **135**/GCN-BXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập Tự do Hạnh phúc

Hà Nội, ngày **09** tháng **7** năm **2021**

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng và Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang và Biên bản đánh giá ngày 05 tháng 7 năm 2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang

Địa chỉ: Số 73 đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Mã số thuế: 3901219829

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm địa kỹ thuật và vật liệu xây dựng

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Số 73 đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, Phường Hiệp Ninh, Thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: LAS-XD 1635

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày cấp và thay thế cho Giấy chứng nhận số 447/GCN-BXD ngày 21/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang;
- Sở XD Tỉnh Tây Ninh;
- TT thông tin (Website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



★ Vũ Ngọc Anh

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1635**

(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Số: 135 /GCN-BXD, ngày 09 tháng 7 năm 2021)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiên hành thử
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG		
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của bột xi măng	TCVN 4030:03
2.	Xác định giới hạn uôn và nén	TCVN 6016:11
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:15; TCVN 8875:12
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA		
4.	Phương pháp lấy mẫu	TCVN 7572-1:06
5.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06
6.	Xác định thành phần thạch học	TCVN 7572-3:06
7.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06
8.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06
9.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06
10.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06
11.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06
12.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06
13.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06
14.	Xác định độ nén đập, hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06
15.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06
16.	Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic	TCVN 7572-14:06
17.	Xác định hàm lượng clorua	TCVN 7572-15:06
18.	Xác định hàm lượng sulfat và sunfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:06
19.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu và phong hoá	TCVN 7572-17:06
20.	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06
21.	Xác định hàm lượng silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19:06
22.	Xác định hàm lượng mi ca trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:06
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ HỖN HỢP BT VÀ BT NẶNG		
23.	Xác định độ sụt của hỗn hợp BT	TCVN 3106:93
24.	Thử độ cứng vebe	TCVN 3107:93
25.	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp BT nặng	TCVN 3108:93
26.	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:93
27.	Xác định hàm lượng bọt khí của BT	TCVN 3111:93
28.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:93
29.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:93
30.	Xác định Độ mài mòn	TCVN 3114:93
31.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:93
32.	Xác định độ chống thấm của bê tông	TCVN 3116:93
33.	Xác định Độ co ngót của bê tông	TCVN 3117:93
34.	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:93
35.	Giới hạn bền kéo uôn dọc trục khi bừa	TCVN 3120:93
36.	Xác định cường độ lăng trụ và môđun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:93
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ VỮA XÂY DỰNG		
37.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:03

38.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:03
39.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:03
40.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:03
41.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa	TCVN 3121-11:03
42.	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:03
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY ĐẤT SÉT NUNG		
43.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:09
44.	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:09
45.	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:09
46.	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:09
47.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:09
48.	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:09
49.	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:09
50.	Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-8:09
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG NHẸ		
51.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Xác định độ hút nước; Xác định khối lượng thể tích khô	TCVN 9030:11
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHUNG ÁP (AAC)		
52.	Xác định kích thước; Xác định khối lượng thể tích khô; Xác định cường độ chịu nén	TCVN 7959:11
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BLOC BÊ TÔNG (GẠCH BÊ TÔNG CỐT LIỆU - XI MĂNG)		
53.	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ bền nén; Xác định độ rỗng; Xác định độ hút nước	TCVN 6477:11
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN		
54.	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định cường độ nén; Độ hút nước	TCVN 6476:99
THỬ NGHIỆM GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN		
55.	Kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, lực va đập xung kích, tải trọng uốn gãy toàn viên, độ cứng lớp mặt, độ mài mòn.	TCVN 6065:95
THỬ NGHIỆM GẠCH GRANITO		
56.	Xác định mức khuyết tật ngoại quan, độ mài mòn, độ chịu lực xung kích, độ cứng bề mặt	TCVN 6074:95
THỬ NGHIỆM GẠCH ỐP LÁT		
57.	Xác định chỉ tiêu cơ lý, xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, độ bền uốn, độ mài mòn, độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415:16
THỬ NGHIỆM ĐÁ ỐP LÁT TỰ NHIÊN		
58.	Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ mài mòn, độ cứng bề mặt	TCVN 4732:07
THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO		
59.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 7744:13
THỬ NGHIỆM NGÓI LỘP		
60.	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, độ hút nước, tải trọng uốn gãy, khối lượng một mét vuông ngói ở trạng thái bão hòa nước	TCVN 1452:04
THỬ NGHIỆM KIỂM TRA KIM LOẠI, HÀN		
61.	Thử kéo	TCVN 197:14
62.	Thử uốn	TCVN 198:08
63.	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử uốn	TCVN 5401:10
64.	Kiểm tra chất lượng hàn ống - Thử nén dẹt	TCVN 5402:10
65.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:91

66.	Kiểm tra siêu âm mối hàn	TCVN 165:98
67.	Thử kéo bu lông; xác định kéo dọc trụ bu lông	TCVN 1916:95
68.	Thử cốt thép bê tông mối nối bằng ống ren	TCVN 8163:09
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG THÍ NGHIỆM		
69.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:12
70.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:12
71.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:12
72.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:14
73.	Xác định sức chống cắt trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:95
74.	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:12
75.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:12; 22TCN 333:06; 14TCN 135:05
76.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:12
77.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR) trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:06
78.	Thí nghiệm nén 3 trục (UU, CU, CD, CV)	TCVN 8868:11
79.	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723:12; ASTM D2434:00
80.	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01
81.	Xác định đặc trưng tan rã của đất	TCVN 8718:12
82.	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:12
83.	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:12
84.	Xác định đặc trưng góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:12
85.	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chế	TCVN 8862:11
86.	Xác định sức kháng nén của trụ đất xi măng	TCVN 9403:12
87.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843:13
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG		
88.	Xác định hàm lượng cặn không tan; hàm lượng muối hòa tan; Xác định độ pH	TCVN 4560:88; TCVN 6492:99
89.	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:96
90.	Xác định hàm lượng ion Sunfat SO ₄ ²⁻	TCVN 6200:96
91.	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88
92.	Xác định hàm lượng Canxi, Magie	TCVN 6196:2000
THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG NHỰA		
93.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:11
94.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay li tâm	TCVN 8860-2:11
95.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:11
96.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của Bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:11
97.	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:11
98.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:11
99.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:11
100.	Xác định hệ số lu lèn	TCVN 8860-8:11
101.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:11
102.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:11
103.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:11
104.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:11
THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LỎNG, NHỮ TƯƠNG AXÍT		
105.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:05

106.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:05
107.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:05
108.	XĐ điểm chớp cháy và điểm cháy bằng thiết bị thử cốc hồ Cleveland	TCVN 7498:05
109.	Xác định tổn thất khối lượng sau khi gia nhiệt	TCVN 7499:05
110.	Xác định lượng hòa tan trong Tricloretylen	TCVN 7500:05
111.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:05
112.	Xác định độ nhớt động học (sử dụng nhớt kế Brookfield)	TCVN 7502:05
113.	Xác định hàm lượng parafin	TCVN 7503:05
114.	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504:05
115.	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:11
116.	Thí nghiệm chung cất	TCVN 8818-4:11; TCVN 8817-9:11
117.	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:11
118.	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:11
119.	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:11
120.	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:11
121.	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:11
122.	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:11
123.	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:11
124.	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:11
125.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11:11
126.	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách phân tách chậm	TCVN 8817-12:11
127.	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:11
128.	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:11
129.	Xác định độ dính bám với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15:11
THỬ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG		
130.	Xác định dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	22TCN 02:71; TCVN 8297:09; TCVN 8729:12
131.	Xác định độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:06
132.	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3 m	TCVN 8864:11
133.	Xác định mô đun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:11; 22TCN 211:06
134.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11
135.	Phương pháp không phá hủy sử dụng kết hợp máy đo siêu âm với súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 9335:12
136.	Xác định mô đun đàn hồi "E" chung của áo đường mềm bằng cần đo độ võng Benkelman	TCVN 8867:11
137.	Đo điện trở đất	TCVN 9385:12
138.	Kiểm tra ống bê tông cốt thép, cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9113:12; TCVN 9116:12
139.	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	ASTM D2573:99
140.	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (thử nghiệm SPT)	TCVN 9351:12
141.	Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:12
142.	Xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:12
143.	Thí nghiệm CBR hiện trường	ASTM 4429:93; TCVN 8821:11
144.	Cọc - PP thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng ép tĩnh dọc trục	TCVN 9393:12
145.	XĐ chiều dày lớp bảo vệ, vị trí, đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:12

146.	Quan trắc lún công trình, đo chuyển vị ngang, đo độ nghiêng công trình, trắc địa công trình xây dựng	TCVN 9360:12; TCVN 9398:12; TCVN 9399:12; TCVN 9400:12; TCVN 8215:12
147.	Thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:12
148.	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:12
149.	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586:92; ASTM D6951
150.	Thí nghiệm chất tải tĩnh để đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu bê tông cốt thép chịu uốn trên công trình	TCVN 9344:12; ASTM E455, E529
151.	Xác định chiều dày lớp phủ sơn, lớp mạ	TCVN 5408:07; TCVN 2095:93; TCVN 9406:12
152.	Xác định lực liên kết cốt thép trong bê tông, neo đá	TCVN 9490:12; ASTM C900; ASTM D4435
153.	Xác định độ thấm nước của đất bằng thí nghiệm đổ nước trong hố đào và trong hố khoan tại hiện trường	TCVN 8731:12
154.	Thí nghiệm Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, lượng mất nước, tính ổn định	TCVN 11893:17
155.	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ mài mòn, độ kháng cháy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn,	TCVN 8791:18
THỦ CƠ LÝ VẬT LIỆU BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA		
156.	Thành phần hạt; Lượng mất khi nung; Hàm lượng nước; Khối lượng riêng; Khối lượng thể tích và độ rỗng của khoáng chất; Hệ số hao nước; Hàm lượng chất hòa tan trong nước; Khối lượng riêng của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Khối lượng thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Độ trương nở của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Chỉ số hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:84
VÀI ĐỊA KỸ THUẬT- BÁC THẨM		
157.	Cường độ kéo, kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11
158.	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11
159.	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:11
160.	Sức chịu chọc thủng	TCVN 8871-4:11
161.	Xác định áp lực kháng bụi, kháng xuyên	TCVN 8871-5:11
162.	Kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8871-6:11
163.	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:12
164.	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09
165.	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09
166.	Xác định sức bền kháng thủng bằng phương pháp roi côn	TCVN 8484:10
167.	Xác định độ dẫn nước, khả năng thoát nước	TCVN 8483:10

Ghi chú (*) – Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH MÁY MÓC, THIẾT BỊ THÍ NGHIỆM

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang

Phòng thí nghiệm Địa kỹ thuật và Vật liệu xây dựng LAS-XD 1635

Địa chỉ: 73 Nguyễn Hữu Thọ, KP Hiệp Thạnh, Phường Ninh Sơn, TP. Tây Ninh

ĐT: 02763.618.619

Email: phathungkhang@gmail.com

STT	Tên Thiết bị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1	Máy nén bê tông TYA - 2000	1	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
2	Khuôn xi măng 40x40x160mm	10	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
3	Khuôn xi măng 20x20x160	10	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
4	Cối chày Proctor tiêu chuẩn	2	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
5	Máy li tâm nhựa đường LLC-15	1	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
6	Bộ phễu rót cát việt nam	1	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
7	Thước xác định độ bằng phẳng	1	VN	2016	Chủ sở hữu	Tốt
8	Bộ Cân Ben kelman	1	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
9	Bộ sàng 22 cái + đáy, nắp	1	VN	2016	Chủ sở hữu	Tốt
10	Cân điện tử OHau (0 :- 15kg)	1	Mỹ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
11	Máy tính Laptop	1	ASUS	2016	Chủ sở hữu	Tốt
12	Máy in, photo, scan	1	HP	2016	Chủ sở hữu	Tốt
13	Bàn làm việc	7	VN	2016	Chủ sở hữu	Tốt
14	Bàn tiếp khách	1	VN	2016	Chủ sở hữu	Tốt
15	Kệ lưu hồ sơ	4	VN	2016	Chủ sở hữu	Tốt
16	Tủ sấy Hiệu: KETONG (Model:101-2)	1	TQ	2016	Chủ sở hữu	Tốt
17	Máy đo nhiệt độ DYS HDT-1	1	TQ	2017	Chủ sở hữu	Tốt
18	Bộ phễu rót cát	1	Mỹ	2017	Chủ sở hữu	Tốt
19	Thước kẹp cơ khí	1	Mỹ	2017	Chủ sở hữu	Tốt
20	Máy khoan mẫu GX160 (máy xăng)	1	VN	2017	Chủ sở hữu	Tốt
21	Máy khoan 16li Bosch GSB16RE	1	Bosch	2019	Chủ sở hữu	Tốt
22	Máy cắt gia công mẫu khoan	1	VN	2019	Chủ sở hữu	Tốt
23	Máy đo điện trở Kyoritsu - 4105A	1	Thái Lan	2019	Chủ sở hữu	Tốt



STT	Tên Thiết bị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
24	Máy khoan rút lõi D230 (máy điện)	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
25	Bộ nén đập xi lanh D75	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
26	Bộ nén đập xi lanh D150	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
27	Bộ thí nghiệm xác định khối lượng thể tích của vật liệu	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
28	Đồng hồ nhiệt + Can nhiệt	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
29	Bộ gá thử uốn gạch	1	VN	2019	Chủ sở hữu	Tốt
30	Bộ xác định độ kim lún của nhựa đường SYD - 2801	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
31	Bộ xác định độ bám dính của đá	1	VN	2019	Chủ sở hữu	Tốt
32	Bộ xác định tỷ trọng lớn nhất của BTN	1	VN	2019	Chủ sở hữu	Tốt
33	Bộ xác định nhiệt độ hoá mềm của nhựa đường	1	VN	2019	Chủ sở hữu	Tốt
34	Bộ dao vòng cắt đất hiện trường	5	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
35	Máy nén tam liên Model: WG-1C-220V	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
36	Máy cắt đất 2 tốc độ Model: EDJ-1(JZ)	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
37	Bộ thí xác định giới hạn chảy, dẻo	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
38	Ổng đong 1000ml bằng nhựa	5	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
39	Dao vòng cắt đất	20	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
40	Bộ thí nghiệm xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo	1	TQ	2019	Chủ sở hữu	Tốt
41	Cân điện tử ViBARA (0 -:- 15kg)	1	Nhật	2019	Chủ sở hữu	Tốt
42	Cân điện tử Model AND 3002 (0 -:- 3kg)	1	Nhật	2020	Chủ sở hữu	Tốt
43	Máy cắt điện cầm tay	1	VN	2020	Chủ sở hữu	Tốt
44	Khuôn đúc mẫu bê tông 15x15x15cm	30	TQ	2020	Chủ sở hữu	Tốt
45	Khuôn đúc mẫu bê tông mẫu trụ D30x15	10	TQ	2020	Chủ sở hữu	Tốt
46	Thiết bị thử độ sụt	1	TQ	2020	Chủ sở hữu	Tốt
47	Máy nén Marshall điện tử Model: LWD-3A	1	TQ	2020	Chủ sở hữu	Tốt
48	Bộ đầm mẫu marshall bằng tay việt nam Bao gồm: Chày đầm; Thanh dẫn; Thanh đỡ; Đế đầm;	1	TQ	2020	Chủ sở hữu	Tốt

STT	Tên Thiết bị	Số lượng	Nơi sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
49	Bộ khuôn Marshall bao gồm: - Thân khuôn Marshall (06 cái) - Cỗ khuôn Marshall (01 cái) - Đế khuôn Marshall (01 cái)	6	TQ	2020	Chủ sở hữu	Tốt
50	Máy kéo thép vạn năng Model: WE-1000B	1	TQ	2021	Chủ sở hữu	Tốt
51	Máy trộn vữa xi măng	1	TQ	2021	Chủ sở hữu	Tốt
52	Bộ thí nghiệm CBR hiện trường	1	TQ	2022	Chủ sở hữu	Tốt
53	Bộ Cân Ben kelman	1	VN	2023	Chủ sở hữu	Tốt
54	Bình tỷ trọng 100ml	5	TQ	2024	Chủ sở hữu	Tốt
55	Bộ thí nghiệm tỷ trọng Bê tông nhựa nóng	1	TQ	2024	Chủ sở hữu	Tốt

Tây Ninh, ngày 02 tháng 02 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Sơn

GIÁM ĐỐC



Trần Võ Đông Giang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ NHÂN SỰ



Văn phòng: Số 73 Đường Nguyễn Hữu Thọ, Phường Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh.

ĐT : 02763.618.619

Email: phathungkhang@gmail.com

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Số:02/HĐLĐ-HK/2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Điện thoại: 0276.3618619

Và một bên là Ông: **Nguyễn Văn Sơn**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 16 tháng 10 năm 1983 tại: Tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Cử nhân Địa chất

Địa chỉ thường trú: ấp Ninh Thuận, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Số CMTND: 024083000231 cấp ngày 19 tháng 10 năm 2015 tại CA Tây Ninh

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn

- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày...

- Địa điểm làm việc : số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Chức vụ: Trưởng phòng thí nghiệm.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: giờ hành chính.

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị ,...(có liên quan đến công trường)

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: cá nhân tự túc

- Mức lương chính hoặc tiền công: : 4.120.000đ (Bằng chữ: Bốn triệu một trăm hai mươi ngàn đồng).

- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng

- Phụ cấp: thoả thuận

- Hình thức trả lương: Tiền mặt



- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng
- Được hưởng tháng lương 13
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết
- Bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp(1%): theo quy định hiện hành

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất:

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lao động



Nguyễn Văn Sơn

Người sử dụng lao động



Trần Võ Đông Giang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF NATURAL SCIENCES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Bachelor of Science

..... IN GEOLOGY

UPON : **NGUYEN VAN SON**

BORN ON : Oct. 16th, 1983. IN : Bac Giang.

YEAR OF GRADUATION : 2007

RANK: Very good

Số đăng ký : 23D.C/9.2007
(Registration N°)

TB 01825/055KH2/2006



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CẤP

Bằng Cử nhân

..... ĐỊA CHẤT

CHO : *Nguyễn Văn Sơn*

SINH NGÀY : 16/10/1983. TẠI : Bắc Giang

NĂM TỐT NGHIỆP : 2007. HỆ : Chính quy

HẠNG: Khá

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10. tháng 09. năm 2007



PGS.TS. DUONG AL PHUONG

THÔNG TIN CÁ NHÂN



.....
Chữ ký của người được
cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Văn Sơn**

Ngày tháng năm sinh: **16/10/1983**

Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **024083000231**

Cấp ngày: **19/10/2015** tại Cục CS ĐKQL CT và DLQG về dân cư

Quốc tịch: **Việt Nam**

Cơ sở đào tạo: **Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia
TP. Hồ Chí Minh**

Hệ đào tạo: **Chính quy**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Địa chất**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Khảo sát địa chất công trình	I	từ 08/7/2022 đến 08/7/2027

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 7 năm 2022



Ngô Hoàng Nguyên

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00147942

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 325/QĐ-CPN-CN ngày 08/7/2022)

THÔNG TIN CÁ NHÂN



*Chữ ký của người
được cấp chứng chỉ*

Họ và tên: **Nguyễn Văn Sơn**

Ngày tháng năm sinh: 16/10/1983

Số CMTND(hoặc hộ chiếu): 024083000231

Cấp ngày: 18/10/2023 tại: Cục Cảnh sát QLHC và TTXH

Quốc tịch: Việt Nam

Cơ sở đào tạo: Đại học Khoa học tự nhiên TP.HCM

Hệ đào tạo: Chính quy

Trình độ chuyên môn: Cử nhân địa chất

**NỘI DUNG ĐƯỢC PHÉP
HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG**

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
I	Khảo sát Địa hình	II	Từ 24/10/2024 đến 24/10/2029
/			
/			
/			
/			

Tây Ninh, ngày 24 tháng 10 năm 2024

(Chữ ký)



TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
- Cấm cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
- Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
- Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: TAN-00147942

(Ban hành kèm theo Quyết định số 220 ngày 24/10/2024)



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. NGUYEN VAN SON

Has successfully passed the Training Course on

Management of Construction Laboratory

Ref. N^o: 9992/2012/VKH -THXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIÊN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chàng nhận: Ông NGUYỄN VĂN SON

Ngày sinh: 16/10/1983 - Quê quán: Bắc Giang

Cơ quan: Công ty TNHH Tư vấn Trí Tuệ Hòa Bình

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng:

Quản lý Phòng Thí nghiệm

chuyên ngành Xây dựng

Thời gian tổ chức: Từ ngày 03/3 đến ngày 08/3/2012

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2012

VIÊN TRƯỞNG



PGS. TS. Cao Duy Tiến

BỘ XÂY DỰNG
HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ
XÂY DỰNG VÀ ĐÓ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----*-----

CHỨNG NHẬN

Ông (bà): *Nguyễn Văn Sơn*

Sinh ngày: 16-10-1983

Nơi sinh: Bắc Giang

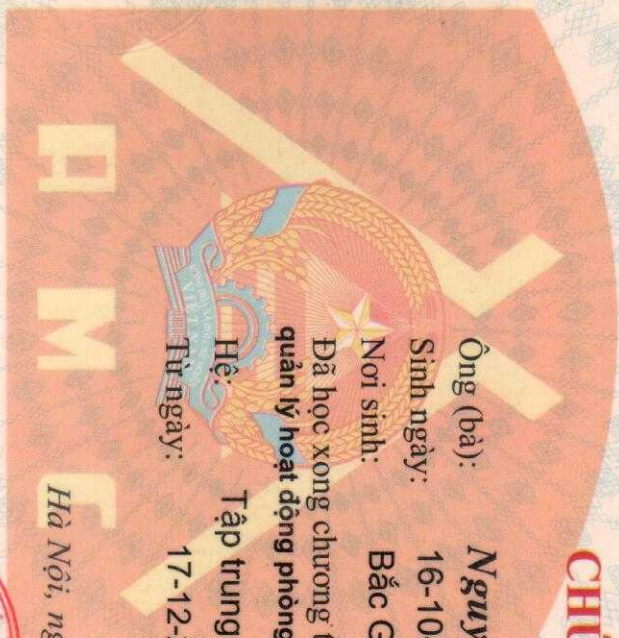
Đã học xong chương trình: Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng
quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành Xây dựng

Hệ: Tập trung

Từ ngày: 17-12-2012 đến ngày: 21-12-2012

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2012

Giám đốc



HỌC VIỆN CÁN BỘ QUẢN LÝ XÂY DỰNG VÀ ĐÓ THỊ



Bùi Quốc Hưng

Ms. Bùi Quốc Hưng

Vào sổ DK số:

0562-2012

**HOCHIMINH CITY UNIVERSITY OF TECHNOLOGY
RESEARCH CENTER FOR TECHNOLOGY
AND INDUSTRIAL EQUIPMENT**



Nguyen Van Son

It is hereby certified that :

Has successfully passed Training Course on
*Testing Methods for Determining the
Fundamental Properties of Soil*

On July 2008
By the RECTIE

Nr. 14 /2008/TNV6-TTCN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIÁM ĐỐC

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT BỊ
CÔNG NGHIỆP ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TP. HỒ CHÍ MINH**

Chứng nhận : *Nguyen Van Son*

Năm sinh : 1983 Quê quán : Bắc Giang

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thi nghiệm về

Phương pháp xác định

các tính chất cơ bản của Đất

Thời gian tổ chức : Tháng 7 năm 2008.

Do Trung tâm NCCN&TBCN-Đại học Bách khoa
TP.Hồ Chí Minh tổ chức

TP.Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 7 năm 2008

Giám Đốc



Nguyen Van Son
TS. *Nguyen Van Ngo*

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:
Mr. NGUYEN VAN SON

Has successfully passed the Training Course on

**Testing Methods for Determining
the Physico-Mechanical Properties of
Concrete and Building Materials**

In March 2013

Ref. No. 10497 /2013/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **NGUYỄN VĂN SON**

Ngày sinh: **16/10/1983** - Quê quán: **Bắc Giang**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn xây dựng tổng hợp Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý

Bê tông và Vật liệu Xây dựng

Thời gian tổ chức: Từ ngày 08/3 đến ngày 30/3/2013

Tại: Phân Viện KH-CN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2013

VIỆN TRƯỞNG



TS. Trịnh Việt Cường

Science Technology Institute for Investment and Construction
Vietnam Federation of Civil Engineering Associations

hereby admits

Mr. NGUYEN VAN SON



who has completed the training course of

Laboratory and Field Testing Methods for the Mechanical Properties
of Asphalt Concrete and Construction Materials

Given at Ha Noi, Viet Nam, this 2nd day of March, 2015

Reg. No.: 2615/VKHCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VỀ ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

TỔNG HỘI XÂY DỰNG VIỆT NAM

CHỨNG NHÂN

Ông : NGUYỄN VĂN SON

Ngày sinh : 16 - 10 - 1983

Quê quán : Mai Trung, Hiệp Hòa, Bắc Giang

Đã tốt nghiệp khóa đào tạo về:

Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa và VLXD

trong phòng và hiện trường

do Viện Khoa học Công nghệ về Đầu tư và Xây dựng -

Tổng Hội Xây Dựng Việt Nam tổ chức.

Thời gian đào tạo: Từ 04/02/2015 đến 11/02/2015

Số chứng chỉ: 2615/VKHCN

Kết quả học tập: Khá

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2015

KHOA HỌC VIỆN TRƯỞNG



TC TKH. *Phùng Văn Sơn*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ TP. HCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHỨNG NHẬN BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ
GIÁM SÁT THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Nguyễn Văn Sơn

Cấp cho Ông/Bà:

16/10/1983

Năm sinh:

Quê quán:

Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ giám sát thi công xây dựng công trình với nội dung chương trình đào tạo thuộc lĩnh vực: Công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, do Trường Đại học Mỏ TP. Hồ Chí Minh tổ chức từ ngày 04 tháng 06 năm 2007 đến ngày 10 tháng 07 năm 2007. Kết quả tốt nghiệp đạt loại: *Tốt*



TP. HCM, ngày 16 tháng 8 năm 2007



PGS.TS. LÊ BẢO LÂM

Số Chứng nhận : 8840

/BDNV

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÀO TẠO
VÀ NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐÃ HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG**

Cấp cho ông/bà: *Nguyễn Văn Sơn*

Sinh ngày: 10 năm 1983

Nơi thường trú: Tây Ninh

Đã hoàn thành khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ Định giá xây dựng do Công ty cổ phần đào tạo và Nghiên cứu quản lý kinh tế tổ chức từ ngày 18 tháng 06 năm 2013 đến ngày 29 tháng 06 năm 2013

Tại: Thành phố Hồ Chí Minh

Xếp loại: *Giỏi*

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 20 13

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VĂN KHÁNH

Số: **111B - 012 /DTBĐKT**

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSTITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr/Ms: NGUYEN VAN SON
Has successfully passed Training Course on
Geological engineering supervision experimenter
In September 2021

Ref.N^o: 04739-401645B/VNB-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: NGUYỄN VĂN SON
Ngày sinh: 16 - 10 - 1983
Thường trú: Tây Ninh
Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:
Thí nghiệm viên giám sát địa chất công trình
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây dựng tổ chức.
Thời gian đào tạo: Tháng 09 năm 2021
Kết quả học tập: Đạt loại khá.

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2021



PGS.TS. II. *Boach Thanh Chiên*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Số:03/HĐLĐ-HK/2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Điện thoại: 0276.3618619

Và một bên là Ông: **Nguyễn Thanh Nhanh**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 27 tháng 01 năm 1984 tại: Tỉnh Tiền Giang.

Nghề nghiệp: Cử nhân Địa chất

Địa chỉ thường trú: ấp Ninh Thuận, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Số CMTND: 311783984 cấp ngày 27 tháng 07 năm 2012 tại CA Tiền Giang

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn

- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày...

- Địa điểm làm việc : số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Công việc phải làm: Khảo sát địa chất công trình, thí nghiệm kiểm tra chất lượng công trình.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: giờ hành chính.

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị ,...(có liên quan đến công trường)

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: cá nhân tự túc

- Mức lương chính hoặc tiền công: : 3.969.700đ (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm đồng)

- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng

- Phụ cấp: thoả thuận

- Hình thức trả lương: Tiền mặt



- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng
- Được hưởng tháng lương 13
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết
- Bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp(1%): theo quy định hiện hành

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động.
- Bồi thường vi phạm và vật chất:

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lao động



Nguyễn Thanh Nhanh

Người sử dụng lao động



Trần Võ Đông Giang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF NATURAL SCIENCES
HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Bachelor of Science

.....IN GEOLOGY.....

UPON : **NGUYEN THANH NHANH**

BORN ON : Jan. 27th, 1984 . IN : Tien Giang .

YEAR OF GRADUATION :2007.....

RANK: Very good

Số đăng ký : 12DC/9-2007
(Registration N°)

TB 01814/055KH2/2006



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
CẤP

Bằng Cử nhân

.....ĐI A CHẤT.....

CHO : *Nguyễn Thanh Nhanh*

SINH NGÀY : 27/01/1984 . TẠI : Tiền Giang

NĂM TỐT NGHIỆP: 2007 . . HỆ: Chính quy

HẠNG: Khá

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10. tháng 09. năm 2007



PGS.TS. DƯƠNG ÁI PHƯƠNG

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Nguyen Thanh Nhanh

Has successfully passed the Training Course on

Management of Construction Laboratory

Ref. N^o: 9075/2011/VKH -THXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Nguyễn Thanh Nhanh**

Ngày sinh: 27/01/1984 - *Quê quán:* Tiền Giang

Cơ quan: Công ty CPTVXD Vina Mekong

Đã hoàn thành chương trình tập huấn về:

Quản lý Phòng Thí nghiệm

chuyên ngành Xây dựng

Thời gian tổ chức: Từ ngày 24/05 đến ngày 26/05/2011

Tại: Phân Viện KH-CN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 09 tháng 06 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiến



VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. Nguyen Thanh Nhanh

Has successfully passed the Training Course on

*Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils*

In April 2008

Ref. N^o: 3292/2008/VKH-TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Ông **Nguyễn Thanh Nhanh**

Ngày sinh: **27/01/1984** - Quê quán: **Tiền Giang**

Cơ quan: Công ty CP TV Xây dựng Vina Mekong
Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

*Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
của đất trong phòng và hiện trường*

Thời gian tổ chức: Tháng 4 năm 2008

Tại: Viện KH-CN Xây dựng

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2008

VIỆN TRƯỞNG

PGS. TS. Cao Duy Tiên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Số:01/HĐLĐ-HK/2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Điện thoại: 0276.3618619

Và một bên là Ông: **Trần Minh Thông**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 17 tháng 04 năm 1992 tại: Tỉnh Tây Ninh.

Nghề nghiệp: Cao đẳng công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng.

Địa chỉ thường trú: 3/20 KP. Hiệp Thạnh, P. Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Số CMTND: 291026519 cấp ngày 06 tháng 12 năm 2010 tại CA Tây Ninh

Thoả thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn

- Từ ngày 15 tháng 02 năm 2019 đến ngày...

- Địa điểm làm việc : số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Công việc phải làm: Cán bộ kỹ thuật công trình.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: giờ hành chính.

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị ,...(có liên quan đến công trường)

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: cá nhân tự túc

- Mức lương chính hoặc tiền công: : 3.969.700đ (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm đồng)

- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng

- Phụ cấp: thoả thuận

- Hình thức trả lương: Tiền mặt



- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng
- Được hưởng tháng lương 13
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết
- Bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp(1%): theo quy định hiện hành

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động
- Bồi thường vi phạm và vật chất:

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành


- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 02 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Tây Ninh, ngày 15 tháng 02 năm 2019

Người lao động


Trần Minh Thông

Người sử dụng lao động



Trần Võ Đông Giang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF
HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF TRANSPORT

confers

THE DEGREE OF ENGINEER

In Civil Engineering
(Bridge and Road Engineering)

Upon: *Tran Minh Thong*
Date of birth: April 17th, 1992
Year of graduation: 2022
Degree classification: Good
Mode of study: Part-time

Given under the seal of
Ho Chi Minh City University of Transport
on January 10th, 2023

Serial number: **GTS-DH 011838**

Reference number: **00096/2023 /GTS-DH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG KỸ SU

Ngành Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
(Xây dựng cầu đường)

Cho:

Sinh ngày:

Năm tốt nghiệp:

Xếp loại tốt nghiệp:

Hình thức đào tạo:

Trần Minh Thông

17/4/1992

2022

Khá

Vừa làm vừa học

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 01 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: **GTS-DH 011838**

Số vào sổ cấp bằng: **00096/2023 /GTS-DH**

PGS.TS. *Nguyễn Xuân Phương*

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Rector

of Ho Chi Minh City University of Technology (HUTECH)

confers

THE DEGREE OF ASSOCIATE

Upon: (Mr, Ms) **Tran Minh Thong**

Born on: **17/04/1992**

Major in: **Construction Technology**

Ranking: **Pass**

Mode of study: **Full-time**



Serial number: **A 416851**

Reference number: **14CXD23**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Hiệu trưởng

Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh

cấp

**BẰNG TỐT NGHIỆP
CAO ĐẲNG**

Cho: **Trần Minh Thông**

Giới tính: **Nam**

Ngày, tháng, năm sinh: **17/04/1992**

Ngành đào tạo: **Công nghệ kỹ thuật xây dựng**

Xếp loại tốt nghiệp: **Trung bình**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

TP. Hồ Chí Minh, ngày **07** tháng **04** năm **2014**



HIỆU TRƯỞNG

Số hiệu: **A 416851 ***

Số vào sổ cấp bằng: **14CXD23** PGS. TSKH. Hồ Đắc Lộc

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr: Tran Minh Thong
Has successfully passed Training Course on
**Field testing Methods for Determing Physiscal and
Mechanical Properties of Soil**
In October 2017

Ref. N^o: 06/10/2017/TNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: Trần Minh Thông
Ngày sinh: 17 - 04 - 1992
Thường trú: Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
Phương pháp xác định tính chất cơ - lý của đất
Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 9 năm 2017

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Thien*

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr: Tran Minh Thong
Has successfully passed Training Course on
**Field testing Methods for Determing Physiscal and
Mechanical Properties of Building materials**
In May 2018

Ref. N^o: 12/05/2018/TNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: Trần Minh Thông
Ngày sinh: 17 - 04 - 1992
Thường trú: Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của bê tông và vật
liệu xây dựng**

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 4 năm 2018

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Thien*

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is here by certified that:
Mr: Tran Minh Thong
Has successfully passed Training Course on
**Field testing Methods for Determing Physiscal and
Mechanical Properties of Asphalt Concrete and Building
materials**
In March 2018

Ref. N^o: 11/03/2018/TNVL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI

CHỨNG NHẬN

Ông: Trần Minh Thông

Ngày sinh: 17 - 04 - 1992

Thường trú: Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:
**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý Bê tông nhựa và Vật
liệu xây dựng**

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại Học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 2 năm 2018

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2018



VIỆN TRƯỞNG

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Thien*



CÔNG TY TNHH TÂM NHÌN CHẤT LƯỢNG PROQ
PROQ VISION OF QUALITY COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số 19, Ngõ 376/19, Đường Bưởi, P. Vĩnh Phúc, Ba Đình, Hà Nội
VPGD: 2442, Tòa VP6 Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội
ĐT/ Tel: 0246 657 8596 Website: proq.vn

CHỨNG NHẬN

Ông: TRẦN MINH THÔNG

Đơn vị: CÔNG TY TNHH XD-TM-DV-SX PHÁT HƯNG KHANG

**ĐÃ THAM DỰ VÀ ĐẠT KẾT QUẢ KHÓA ĐÀO TẠO VỀ
NHẬN THỨC CHUNG VÀ CHUYÊN GIA ĐÁNH GIÁ NỘI BỘ
THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO/IEC 17025:2017**

Tây Ninh, ngày 18-20/3/2019

QĐ số 06/QĐ-PROQ
Ngày 20/03/2019



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

CẤP

Bằng Cử nhân

..... ĐỊA CHẤT

CHO : *Quách Thị Thu Vân*

SINH NGÀY : 08/04/1984 . TẠI : Minh Hải

NĂM TỐT NGHIỆP: 2007 . . HÈ: Chính quy.

HẠNG: TB Khá

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10. tháng 09. năm 2007

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. DUONG XU PHUONG

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY - HO CHI MINH CITY
UNIVERSITY OF NATURAL SCIENCES

HEREBY CONFERS THE DEGREE OF

Bachelor of Science

..... IN GEOLOGY

UPON : QUACH THI THU VAN

BORN ON : Apr., 08th, 1984. IN : Minh.Hai

YEAR OF GRADUATION : 2007.

RANK: Good



Số đăng ký : 28DC/9-2007
(Registration N°)

TB 01830/055KH2/2006

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mrs. **Quach Thi Thu Van**

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In April 2011

Ref. N^o: 8674 /2011/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chúng nhận: Bà **Quách Thị Thu Vân**

Ngày sinh: **08/04/1984**

Quê quán: **Bạc Liêu**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn xây dựng Vina - Mê Kông

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 08/3/2011 đến 26/3/2011

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2011



VIỆN TRƯỞNG
PGS. TS. Cao Duy Tiến

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Số:08/HDLĐ-HK/2017

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Điện thoại: 066.3618619

Và một bên là Ông: **Quách Thị Thu Vân**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 08 tháng 04 năm 1984 tại: Tỉnh Bạc Liêu.

Nghề nghiệp: Kỹ sư Địa chất

Địa chỉ thường trú: Cây Giang A, Long Điền, Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Số CMND: 385191551 cấp ngày 07 tháng 07 năm 2014 tại CA Bạc Liêu

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn.
- Từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày...
- Địa điểm làm việc: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Công việc phải làm: cán bộ kỹ thuật công trình.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 40h trong tuần.
- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị(có liên quan đến công trường).

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: cá nhân tự túc.
- Mức lương chính hoặc tiền công: : 3.652.000đ (Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng).
- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng.
- Phụ cấp: 3.500.000đ (Bằng chữ: Ba triệu năm trăm ngàn đồng).
- Hình thức trả lương: Tiền mặt.

- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng.
- Được hưởng tháng lương 13.
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết.
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết.
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: theo quy định hiện hành.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bố trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2017. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Người lao động



Quách Thị Thu Vân

Tây Ninh, ngày 01 tháng 08 năm 2017



Người sử dụng lao động



Trần Võ Đông Giang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

RECTOR

HIỆU TRƯỞNG

COLLEGE OF SCIENCES - HUE UNIVERSITY

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC - ĐẠI HỌC HUẾ

has conferred

cấp

THE DEGREE OF BACHELOR

BẰNG CỬ NHÂN

GEOLOGY

ĐỊA CHẤT

Upon: Mr Hoang Van Linh

Cho: Ông Hoàng Văn Linh

Date of birth: 05 August 1988

Ngày sinh: ngày 05 tháng 8 năm 1988

Year of graduation: 2012

Năm tốt nghiệp: 2012

Degree classification: Good

Xếp loại tốt nghiệp: Khá

Mode of study: Part - time

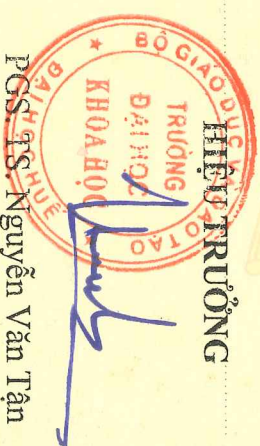
Hình thức đào tạo: Vừa làm vừa học

Thua Thien Hue, 13 December 2012

Thừa Thiên Huế, ngày 13 tháng 12 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Văn Tân



Số hiệu: **E 0032327**

Số vào sổ cấp bằng: 2444

Reg. No: 2444



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Số:07/HĐLĐ-HK/2017

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV Phát Hưng Khang

Điện thoại: 066.3618619

Và một bên là Ông: **Hoàng Văn Linh**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 05 tháng 08 năm 1988 tại: Tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Kỹ sư Địa chất

Địa chỉ thường trú: Khu Trung Tiến 2, Phú Lạc, Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Số CMND: 131248910 cấp ngày 23 tháng 08 năm 2014 tại CA Phú Thọ

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn.

- Từ ngày 01 tháng 08 năm 2017 đến ngày...

- Địa điểm làm việc : số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

- Công việc phải làm: cán bộ kỹ thuật công trình.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: 40h trong tuần.

- Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị ,...(có liên quan đến công trường).

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc: cá nhân tự túc.

- Mức lương chính hoặc tiền công: : 3.652.000đ (Bằng chữ: Ba triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn đồng).

- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng.

- Phụ cấp: 3.500.000đ (Bằng chữ: Ba triệu năm trăm ngàn đồng).

- Hình thức trả lương: Tiền mặt.

- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng.
- Được hưởng tháng lương 13.
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết.
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết.
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: theo quy định hiện hành.

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất.

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2017. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Người lao động



Hoàng Văn Linh

Tây Ninh, ngày 01 tháng 08 năm 2017



Người sử dụng lao động



Trần Võ Đông Giang

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mr. **Hoang Trong Dong**

Has successfully passed the Training Course on

**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In April 2008

Ref. N^o: 3259/2008/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Ông **Hoàng Trọng Đông**

Ngày sinh: **23/5/1990** - Quê quán: **Phú Thọ**

Cơ quan: Công ty CP TV Xây dựng Vina Mekong

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý
của đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian tổ chức: Tháng 4 năm 2008

Tại: Viện KHCN Xây dựng

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2008



PGS. TS. Cao Duy Tiến

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

Số: 03/HĐLD-HK/2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang** Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang Điện thoại: 0276.3618619

Và một bên là Ông: **Hoàng Trọng Đông** Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 25 tháng 03 năm 1990 tại: Tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Thí nghiệm.

Địa chỉ thường trú: ấp Ninh Thạnh, phường Ninh Thạnh, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Số CMTND: 131262843 cấp ngày 08 tháng 02 năm 2014 tại CA Phú Thọ.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn
- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày...
- Địa điểm làm việc: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Công việc phải làm: thí nghiệm viên.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: giờ hành chính.
- Được cấp những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị (có liên quan đến công trường)

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Mức lương chính hoặc tiền công: 3.969.700 đồng (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm đồng).
- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng.
- Phụ cấp: thỏa thuận
- Hình thức trả lương: Tiền mặt
- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng

- Được hưởng tháng lương 13
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: theo quy định hiện hành

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất:

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lao động



Hoàng Trọng Đồng

Người sử dụng lao động



Trần Võ Đông Giang

VIETNAM INSTITUTE FOR BUILDING
SCIENCE AND TECHNOLOGY



It is hereby certified that:

Mrs. **Bui Thi Xuan**

Has successfully passed the Training Course on
**Field and Laboratory Testing Methods for
Determining the Physico-Mechanical
Properties of Soils**

In April 2011

Ref. N^o: 8675 /2011/VKH - TNXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG

Chứng nhận: Bà **Bùi Thị Xuân**

Ngày sinh: **18/09/1987**

Quê quán: **Phủ Thọ**

Cơ quan: Công ty CP Tư vấn xây dựng Vina - Mê Kông

Đã hoàn thành chương trình đào tạo thí nghiệm về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ-lý của
đất trong phòng và hiện trường**

Thời gian: Từ ngày 08/3/2011 đến 26/3/2011

Tại: Phân Viện KHCN Xây dựng Miền Nam

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2011

VIỆN TRƯỞNG
KHOA HỌC CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG
PGS. TS. Cao Duy Tiến

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

Số:05/HĐLĐ-HK/2019

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang** Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang Điện thoại: 0276.3618619

Và một bên là Bà: **Bùi Thị Xuân** Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 18 tháng 09 năm 1987 tại: Tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Thí nghiệm.

Địa chỉ tạm trú: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Số CMTND: 131293919 cấp ngày 29 tháng 08 năm 2003 tại CA Phú Thọ.

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn
- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2019 đến ngày...
- Địa điểm làm việc: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Công việc phải làm: thí nghiệm viên.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: giờ hành chính.
- Được cấp những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị (có liên quan đến công trường)

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Mức lương chính hoặc tiền công: 3.969.700 đồng (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm đồng).
- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng.
- Phụ cấp: thỏa thuận
- Hình thức trả lương: Tiền mặt

- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng
- Được hưởng tháng lương 13
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: theo quy định hiện hành

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất:

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Tây Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2019

Người lao động



Bùi Thị Xuân

Người sử dụng lao động



Trần Võ Đông Giang

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tên đơn vị: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

Số:01/HĐLĐ-HK/2020

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông: **Trần Võ Đông Giang**

Quốc tịch: Việt Nam

Chức vụ: Giám đốc

Đại diện cho: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

Điện thoại: 0276.3618619

Và một bên là Ông: **Trần Võ Quân Bảo**

Quốc tịch: Việt Nam

Sinh ngày 20 tháng 10 năm 1984 tại: Tỉnh Tây Ninh.

Nghề nghiệp: nhân viên

Địa chỉ thường trú: Tân Đông, Tân Thành, Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

Số CMTND: 290820753 cấp ngày 18 tháng 9 năm 2007 tại CA Tây Ninh

Thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

- Loại hợp đồng lao động: Hợp đồng lao động dài hạn
- Từ ngày 01 tháng 04 năm 2020 đến ngày...
- Địa điểm làm việc: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thạnh, P.Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Công việc phải làm: cán bộ kỹ thuật công trình.

Điều 2: Chế độ làm việc

- Thời giờ làm việc: sau giờ hành chính.
- Được cấp những dụng cụ làm việc gồm: Máy móc, thiết bị (có liên quan đến công trường)

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Mức lương chính hoặc tiền công: 3.969.700 đồng (Bằng chữ: Ba triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm đồng).
- Tiền ăn giữa ca: 680.000 đồng.
- Phụ cấp: thỏa thuận
- Hình thức trả lương: Tiền mặt
- Được trả lương vào các ngày 30 hàng tháng

- Được hưởng tháng lương 13
- Tiền thưởng: thưởng dịp lễ, tết
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hàng tuần, phép năm, lễ tết...): Nghỉ chủ nhật hàng tuần, nghỉ lễ _tết
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: theo quy định hiện hành

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất - kinh doanh, nội quy kỷ luật lao động, an toàn lao động...
- Bồi thường vi phạm và vật chất:

Điều 4. Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc...).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỷ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5. Điều khoản thi hành

- Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.
- Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ một bản và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2019. Khi hai bên ký kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

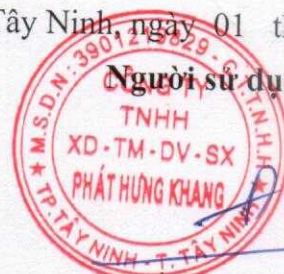
Tây Ninh, ngày 01 tháng 04 năm 2020

Người lao động



Trần Võ Quân Bảo

Người sử dụng lao động




Trần Võ Đông Giang

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that:
Mr/Mrs: TRAN VO QUAN BAO
Has successfully passed Training Course on
**Method of determining the mechanical and physical properties
of soil in a room and the scene**
In July 2019

Ref. N^o:6758-A6547B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **TRẦN VÕ QUÂN BẢO**

Ngày sinh: 20 - 10 - 1984

Thường trú: Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

**Phương pháp xác định các tính chất cơ - lý của đất trong phòng
và hiện trường**

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới
Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 07 năm 2019

Kết quả học tập: **Đạt loại khá**

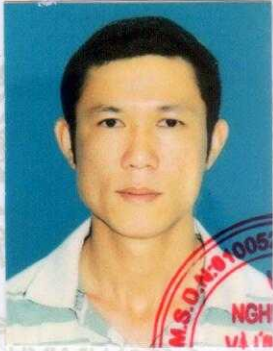


Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2019

VIỆN TRƯỞNG

Bach Dinh Chien
PGS.TSKH. *Bach Dinh Chien*

VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
INSITUTE OF RESEARCH AND APPLICATION FOR
TROPICAL BUILDING MATERIALS (ITBM)



It is hereby certified that
Mr/Mrs: TRAN VO QUAN BAO
Has successfully passed Training Course on
Testing construction materials
In October 2019

Ref. N^o:8563-A8757B/VND-TNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ TỐT NGHIỆP
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ ỨNG DỤNG VLXD NHIỆT ĐỚI
CHỨNG NHẬN

Ông/Bà: **TRẦN VÕ QUÂN BẢO**
Ngày sinh: 20 - 10 - 1984
Thường trú: Tây Ninh

Đã hoàn thành chương trình đào tạo về:

Thí nghiệm vật liệu xây dựng

Do Viện nghiên cứu và ứng dụng Vật liệu Xây dựng Nhiệt Đới

Trường Đại học Xây Dựng tổ chức.

Thời gian đào tạo: Tháng 10 năm 2019

Kết quả học tập: **Đạt loại khá.**



Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2019

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TSKH. *Bach Dinh Thien*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Mẫu số: **B 01 – DN**
(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC Ngày
22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (NĂM)

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

[01] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

[02] Mã số thuế: 3901219829

[03] Địa chỉ: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, KP
Hiệp Thạnh, phường Hiệp Ninh

[04] Quận/Huyện: Thành phố Tây Ninh
[05] Tỉnh/Thành phố: Tây Ninh

[06] Điện thoại:

[07] Fax:

[08] E-mail:

BCTC đã được kiểm toán:

Ý kiến kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+ 120 + 130 + 140 + 150)	100		3.487.686.060	3.186.069.276
I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110 = 111 + 112)	110		1.967.810.419	2.341.919.387
1. Tiền	111		1.967.810.419	2.341.919.387
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120 = 121 + 122 + 123)	120		0	0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*) (2)	122		0	0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		0	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130 = 131 + 132 +...+ 137 + 139)	130		1.519.875.641	784.562.606
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		1.488.676.641	760.390.806
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		0	24.171.800
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		0	0
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		31.199.000	0
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		0	0
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		0	0
IV. Hàng tồn kho (140 = 141 + 149)	140		0	59.587.283
1. Hàng tồn kho	141		0	59.587.283
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác (150= 151 + 152 + ...+ 155)	150		0	0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		0	0
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		0	0
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		0	0
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		0	0
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		218.928.572	355.340.684
I- Các khoản phải thu dài hạn (210 = 211 + 212 +...+ 216 + 219)	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0

2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0	0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0	0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0	0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0	0
6. Phải thu dài hạn khác	216		0	0
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0	0
II. Tài sản cố định (220 = 221 + 224 + 227)	220		218.928.572	355.340.684
1. Tài sản cố định hữu hình (221 = 222 + 223)	221		218.928.572	355.340.684
- Nguyên giá	222		975.604.474	975.604.474
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(756.675.902)	(620.263.790)
2. Tài sản cố định thuê tài chính (224 = 225 + 226)	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình (227 = 228 + 229)	227		0	0
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		0	0
III. Bất động sản đầu tư (230 = 231 + 232)	230		0	0
- Nguyên giá	231		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0	0
IV. Tài sản đang dở dài hạn (240 = 241 + 242)	240		0	0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0	0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		0	0
V. Đầu tư tài chính dài hạn (250 = 251 + ... + 255)	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư khác vào đơn vị khác	253		0	0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0	0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
V. Tài sản dài hạn khác (260 = 261 + 262 + 263 + 268)	260		0	0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0	0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		0	0
4. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.706.614.632	3.541.409.960
C - NỢ PHẢI TRẢ (300= 310 + 330)	300		142.395.730	45.672.979
I. Nợ ngắn hạn (310 = 311 + 312 +...+ 323 + 324)	310		142.395.730	45.672.979
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		7.044.000	0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0	0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		135.351.730	45.672.979
4. Phải trả người lao động	314		0	0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0	0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0	0

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0	0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0	0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0	0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0	0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0	0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0	0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0	0
II. Nợ dài hạn (330 = 331 + 332 +...+ 342 + 343)	330		0	0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0	0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0	0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0	0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0	0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0	0
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0	0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0	0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0	0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0	0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0	0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0	0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0	0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0	0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		3.564.218.902	3.495.736.981
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 +...+ 421 + 422)	410		3.564.218.902	3.495.736.981
1. Vốn góp của chủ sở hữu (411 = 411a + 411b)	411		3.000.000.000	3.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		0	0
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		0	0
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0	0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		0	0
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0	0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0	0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0	0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0	0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0	0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0	0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (421 = 421a + 421b)	421		564.218.902	495.736.981
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		495.736.981	356.288.216
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		68.481.921	139.448.765
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0	0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430 = 431 + 432)	430		0	0
1. Nguồn kinh phí	431		0	0

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.706.614.632	3.541.409.960

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú:

- (1) Những chỉ tiêu không có số liệu được miễn trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số” chỉ tiêu.
- (2) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).
- (3) Đối với doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì “Số cuối năm” có thể ghi là “31.12.X”; “Số đầu năm” có thể ghi là “01.01.X”.
- (4) Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH XD TM DV SX PHÁT HUNG KHANG.**

PHỤ LỤC
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

Mẫu số: **B 02**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC Ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

[03] Mã số thuế: 3901219829

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		5.151.442.566	9.333.985.174
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		5.151.442.566	9.333.985.174
4. Giá vốn hàng bán	11		4.163.149.692	8.214.464.638
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		988.292.874	1.119.520.536
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.662.904	1.151.747
7. Chi phí tài chính	22		0	0
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	0
8. Chi phí bán hàng	25		0	0
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		899.985.505	946.033.900
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		89.970.273	174.638.383
11. Thu nhập khác	31		220.000	0
12. Chi phí khác	32		3.670.296	261.941
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.450.296)	(261.941)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		86.519.977	174.376.442
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		18.038.055	34.927.677
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		68.481.922	139.448.765
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		0	0
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

(*) Chi áp dụng tại công ty cổ phần

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH XD TM DV SX PHÁT HƯNG KHANG.**

PHỤ LỤC
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp) (*)

Mẫu số: **B 03**
– **DN**
(Ban hành
theo Thông
tư số
200/2014/TT-
BTC ngày
22/12/2014
của Bộ Tài
chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm 2024

[02] Tên người nộp thuế: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

[03] Mã số thuế: 3901219829

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		4.908.517.572	12.726.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(744.135.144)	(1.660.020.190)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(63.805.173)	(900.277.840)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		0	0
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(24.927.677)	(30.665.058)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		108.937.200	8.235.885.951
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.560.358.649)	(7.356.210.599)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(375.771.871)	(1.698.561.736)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		0	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.662.904	1.151.747
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.662.904	1.151.747
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(374.108.967)	(1.697.409.989)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.341.919.387	4.039.329.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		1.967.810.420	2.341.919.387

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Lập, ngày 24 tháng 01 năm 2025
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Số chứng chỉ hành nghề:

Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán:

Ghi chú: Đối với người lập biểu là các đơn vị dịch vụ kế toán phải ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề, tên và địa chỉ Đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Người lập biểu là cá nhân ghi rõ Số chứng chỉ hành nghề.



Ký điện tử bởi: **CÔNG TY TNHH XD TM DV SX PHÁT HƯNG KHANG.**

Lĩnh vực giám sát khảo sát

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 27 tháng 12 năm 2023

HỢP ĐỒNG

Tư vấn Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi

Số: 130/2023/HĐ-TV

Dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4)

Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi

Giữa

Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh

Và

Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	1
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH.....	2
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	2
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	4
Điều 1. Diễn giải.....	4
Điều 2. Loại hợp đồng.....	5
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.....	5
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	5
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	5
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng):.....	5
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng.....	6
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	6
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.....	6
Điều 10. Giá hợp đồng.....	7
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	7
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn.....	8
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư.....	10
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có).....	11
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn.....	11
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	12
Điều 17. Bảo hiểm.....	12
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng.....	12
Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	14
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng.....	14
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.....	15
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	17
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.....	17
Điều 24. Tạm ứng và thanh toán.....	17



Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	18
Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	18
Điều 27. Điều khoản chung	19
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	19
Điều 1. Loại hợp đồng	19
Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	19
Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng):.....	19
Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	19
Điều 5. Giá hợp đồng.....	19
Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	20
Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn.....	20
Điều 8. Chấm dứt hợp đồng.....	20
Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	20
Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.....	21
Điều 11. Tạm ứng và thanh toán.....	21
Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	21
Điều 13. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	22
Điều 14. Điều khoản chung	22
PHỤ LỤC SỐ 01: NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU.....	23

T
 AN L
 ĐẤU
 DỰ
 H GI
 NH T
 ?

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.



PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 27 tháng 12 năm 2023 tại Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Một bên là:

1. Chủ đầu tư:

a) Tên giao dịch : **Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh;**

b) Đại diện là : Ông **Đặng Xuân Trường**, Chức vụ: Giám đốc;

c) Địa chỉ : Số 209, đường 30/4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

d) Tài khoản : 9552.2.8050472, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh;

e) Mã số thuế : 3900845439 - 001;

f) Điện thoại : 0276.3822152; 0276.3825121; Fax: 0276.3820383;

g) E-mail : pkhbangiaothongtayninh@gmail.com.

và bên kia là:

2. Nhà thầu tư vấn:

a) Tên giao dịch : **Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang;**

b) Đại diện là : Ông **Trần Võ Đông Giang**, Chức vụ: Giám đốc;

c) Địa chỉ : số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, phường Hiệp Ninh, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

d) Tài khoản : 66110002164007 Tại: NH TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - CN Tây Ninh;

e) Mã số thuế : 3901219829;

f) Điện thoại : 0276.3618 619; 0918.383353;

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng Tư vấn Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi của Gói thầu số 03 thuộc dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4) như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 ngày 6 tháng 2014 của Chính Phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 ngày 4 tháng 2015 của Chính phủ về quản lý chi tiết Hợp đồng xây dựng;



Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ, về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ, quy định về quản lý thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 609/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 935/QĐ-UBND ngày 23/4/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 Điều 3 và Điều 4 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông;

Căn cứ Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường Trường Chinh (Đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4);

Căn cứ Quyết định số 2364/QĐ-UBND ngày 14/11/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh, về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công năm 2023 – Đợt 9;

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-BQLDA ngày 04/01/2023 của Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh, về việc phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc đối với công tác quản lý, điều hành, triển khai thực hiện các dự án đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-BQLDA ngày 16/01/2023 của Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh, về việc thành lập Bên mời thầu thực hiện tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc KHLCNT các dự án do Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh làm Chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 261/QĐ-BQLDA ngày 14/11/2023 của Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt dự toán chuẩn bị dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4);

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-BQLDA ngày 17/11/2023 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt kế hoạch



lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4);

Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 11 tháng 12 năm 2023 được ký giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang, về việc thực hiện Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4);

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-BQLDA ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh;
2. Nhà thầu tư vấn là Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang;
3. Dự án là dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4);
4. Công trình là Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).
5. Gói thầu là Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi;
6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
7. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].
10. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
11. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
12. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.



13. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Quyết định phê duyệt kết quả chỉ định thầu;
- b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;
- c) Điều kiện chung của hợp đồng;
- d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
- e) Hồ sơ năng lực của Nhà thầu tư vấn;
- f) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
- g) Các phụ lục của hợp đồng;
- h) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng):

1. Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định lần lượt tại Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.



2. Nhà thầu tư vấn phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị là ____ [quy định tại **ĐKCT**].

3. Nhà thầu tư vấn sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.

4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu tư vấn khi đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.

5. Nhà thầu tư vấn phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng. Nếu là liên danh các Nhà thầu tư vấn thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên: Không áp dụng.

6. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

1. Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

1.1. Nhà thầu tiến hành giám sát khảo sát theo quy định tại khoản 2, Điều 28 của Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Kiểm tra năng lực thực tế của nhà thầu khảo sát xây dựng bao gồm nhân lực, thiết bị khảo sát tại hiện trường, phòng thí nghiệm (nếu có) được sử dụng so với phương án khảo sát xây dựng được duyệt và quy định của hợp đồng xây dựng;

b) Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện khảo sát xây dựng bao gồm: vị trí khảo sát, khối lượng khảo sát, quy trình thực hiện khảo sát, lưu giữ số liệu khảo sát và mẫu thí nghiệm; công tác thí nghiệm trong phòng và thí nghiệm hiện trường; công tác bảo đảm an toàn lao động, an toàn môi trường trong quá trình thực hiện khảo sát..

1.2. Địa điểm xây dựng: Thành phố Tây Ninh và huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2. Nhà thầu tư vấn cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng bao gồm:

a) Hồ sơ báo cáo công tác giám sát khảo sát xây dựng: 07 bộ.

b) 01 USB có lưu nội dung sản phẩm tư vấn xây dựng được duyệt (file mềm, không chấp nhận file PDF và file ảnh) và 01 bản chụp (định dạng .PDF) sản phẩm tư vấn xây dựng, đã đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng



1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
2. Hồ sơ Báo cáo kết quả Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi xây dựng công trình.
3. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng
 - a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền là: [quy định tại ĐKCT].
 - b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11, Phần 3 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

- a) Nội dung của giá hợp đồng tư vấn xây dựng công trình bao gồm:
 - Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.
 - Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
 - Chi phí khác có liên quan.
- b) Giá hợp đồng tư vấn xây dựng không bao gồm:
 - Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.
 - Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng tư vấn.
 - Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng



a) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

a) Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37, Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13, Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

b) Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

a) Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

b) Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a, khoản 2, Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

c) Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

- Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

- Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn:



a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

- Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.



i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

j) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng đối với tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.

k) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

l) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

m) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn.
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- e) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.



d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

e) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn được tiếp cận với công trình, thực địa.

f) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn thực hiện công việc tư vấn xây dựng, thủ tục hải quan (nếu có).

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể tại Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu].

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu]. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn thay thế nhân sự nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác,



mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tự vẫn chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tự vẫn có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tự vẫn thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở Phụ lục số 01 [Nhân lực của Nhà thầu].

6. Nhà thầu tự vẫn tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tự vẫn không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu tự vẫn sẽ giữ bản quyền công việc tự vẫn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tự vẫn.

2. Nhà thầu tự vẫn phải cam kết rằng sản phẩm tự vẫn do Nhà thầu tự vẫn thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tự vẫn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2, Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1, Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:



a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn:



- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu tư vấn, hoặc những thứ Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu tư vấn sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 6, Phần 3 và Điều 3, Phần 4 (nếu các bên có thỏa thuận Bảo đảm thực hiện hợp đồng).

SẢN
QUẢN
AN ĐÀ
KAY DU
NH GIAC
NH TAY

b) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 24, Phần 3 và Điều 10, Phần 4 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

e) Nhà thầu tư vấn bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

f) Nhà thầu tư vấn từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25, Phần 3 và Điều 12, Phần 4 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 19, Phần 3 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25, Phần 3 và Điều 12, Phần 4 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25, Phần 3 và Điều 12, Phần 4 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].



e) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 11, Phần 3 và Điều 5, Phần 4 [Giá hợp đồng] và Điều 25, Phần 3 và Điều 11, Phần 4 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7, Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 07 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.



2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20, Phần 3 và Điều 8, Phần 4 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**]:

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phân công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 24. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng:[quy định tại **ĐKCT**];

2. Tiến độ thanh toán.

a) Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**].

b) Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là: [quy định tại **ĐKCT**].

c) Trong vòng [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm: Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng [Bảng tính giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng].

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

4. Riêng hợp đồng đơn giản, quy mô nhỏ, việc tạm ứng hoặc không tạm ứng do Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn xem xét, thống nhất theo đề nghị của Nhà thầu



a) Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**] thì phạt [quy định tại **ĐKCT**] nhưng tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

b) Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu tư vấn theo quy định tại Điều 10, Phần 3 và Điều 5, Phần 4 [Giá hợp đồng] và Điều 24, Phần 3 và Điều 11, Phần 4 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu tư vấn theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu tư vấn mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn.

3. Bồi thường thiệt hại:

Bồi thường thiệt hại [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 27. Điều khoản chung

1. Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

2. Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

4. Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 2. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (đối với trường hợp các bên thỏa thuận phải có bảo lãnh tiền tạm ứng): Không áp dụng.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là **07 bộ**; 01 USB có lưu nội dung sản phẩm tư vấn xây dựng được duyệt (file mềm, không chấp nhận file PDF và file ảnh) và 01 bản chụp (định dạng .PDF) sản phẩm tư vấn xây dựng, đã đóng dấu thẩm định, phê duyệt.

Điều 5. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền (làm tròn) là: **51.034.000 đồng** (Bằng chữ: Năm mươi một triệu, không trăm ba mươi bốn nghìn đồng)(đã bao gồm thuế GTGT 8%).

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng: Điều chỉnh khối lượng công việc trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng.

2. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng:

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

Điều 7. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn

Nhà thầu tư vấn phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng là 05 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự.

Điều 8. Chấm dứt hợp đồng

1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 28 ngày.

b) Nhà thầu tư vấn không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 20 ngày.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23, Phần 3 và Điều 10, Phần 4 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 45 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

2. Nhà thầu tư vấn có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 28 ngày.

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25, Phần 3 và Điều 12, Phần 4 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 56 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 30 ngày.



Điều 9. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 02 lần.

Lần 01: Sau khi Nhà thầu tư vấn hoàn thành và bàn giao đầy đủ hồ sơ báo cáo kết quả Tư vấn Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi đủ điều kiện để trình thẩm định, phê duyệt.

Lần 02: Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng).

Điều 10. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là **45 ngày** kể từ khi hợp đồng có hiệu lực và Chủ đầu tư bàn giao bằng biên bản cho Nhà thầu tư vấn đầy đủ các tài liệu phục vụ Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi (*Thời gian trên bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ, không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng*).

2. Tiến độ chi tiết: Không yêu cầu.

Điều 11. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không tạm ứng

2. Tiến độ thanh toán.

a) Số lần thanh toán là 02.

b) Giá trị mà Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các lần thanh toán cụ thể là:

- Lần 1: Sau khi Nhà thầu hoàn thành toàn bộ khối lượng theo nghĩa vụ hợp đồng và bàn giao đầy đủ hồ sơ, Chủ đầu tư sẽ lập thủ tục nghiệm thu, thanh toán cho Nhà thầu 90% giá trị hợp đồng.

Lần 2: Sau khi nhà thầu tư vấn hoàn thành các công việc theo nghĩa vụ trong hợp đồng và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành, Nhà thầu tư vấn sẽ được thanh toán giá trị còn lại.

c) Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là **14 ngày** (*Giá trị giải ngân của Chủ đầu tư cho Nhà thầu phải dựa trên kế hoạch vốn hàng năm của UBND tỉnh phân khai cho dự án, giá trị thanh toán không vượt vốn kế hoạch trong năm. Nếu giá trị thanh toán trong năm bị vượt kế hoạch vốn, phần giá trị còn lại sẽ được Chủ đầu tư thanh toán ngay sau khi được cấp thẩm quyền bố trí vốn tiếp tục*).

Điều 12. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là 28 ngày.



2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

a) Thời gian để tiến hành hòa giải: 28 ngày.

b) Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh trong vòng 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải.

c) Giải quyết tranh chấp là:

- Thời gian gửi yêu cầu giải quyết tranh chấp: Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải, nếu một bên không đồng ý kết luận hòa giải thì có quyền phản đối; trường hợp quá thời hạn nêu trên không bên nào phản đối thì coi như các bên đã thống nhất và phải thực hiện theo kết luận hòa giải.

- Tổ chức giải quyết tranh chấp: Các tranh chấp sẽ được giải quyết tại Tòa án Nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Chi phí cho giải quyết tranh chấp: Thực hiện theo quy định của pháp luật tại thời điểm xảy ra tranh chấp.

Điều 13. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng:

Khoảng thời gian thưởng hợp đồng là: Không có;

Mức thưởng tối đa là: Không có.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

- Thời gian chậm tiến độ thực hiện hợp đồng là 01 ngày.

- Tỷ lệ phạt là: 1,0% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm tiến độ;

- Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

3. Bồi thường thiệt hại:

Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế.

Điều 14. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm ký kết hợp đồng.

Hợp đồng này bao gồm 23 trang (đã bao gồm phụ lục 01) được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn sẽ giữ 02 bản.

NHÀ THẦU TƯ VẤN



Trần Võ Đông Giang

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Thúy

CHỦ ĐẦU TƯ GIÁM ĐỐC



Đặng Xuân Trường



PHỤ LỤC SỐ 01: NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU

(Đính kèm hợp đồng Số: 130/2023/HĐ-TV ngày 27 tháng 12 năm 2023 ký Giữa
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh và
Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang).



STT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề	Chức danh, công việc thực hiện	Thời gian dự kiến tham gia
I	Nhân sự chủ chốt:			
1	Nguyễn Văn Chiêu	Kỹ sư kỹ thuật công trình giao thông công chính	Giám sát trưởng (Phần KSDH)	Theo hợp đồng
2	Nguyễn Văn Sơn	Kỹ sư địa chất	Giám sát trưởng (Phần KSDC)	Theo hợp đồng
3	Lê Văn Dàng	Kỹ sư xây dựng cầu đường bộ	Giám sát viên	Theo hợp đồng
4	Trần Thanh Hải	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Xây dựng cầu đường)	Giám sát viên	Theo hợp đồng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2024

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO SẢN PHẨM TƯ VẤN XÂY DỰNG
Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi
dự án đường Trường Chinh (Đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4)**

Căn cứ Hợp đồng số 30/2023/HĐ-TV ngày 27/12/2023 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang về việc giám sát khảo sát Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

1. Đối tượng nghiệm thu: Công tác giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành giao thông tỉnh Tây Ninh.

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Ông: Phạm Phương Bình | - Chức vụ: Phó Giám đốc. |
| - Ông: Dương Hoài Thanh | - Chức vụ: PTP QLDA. |
| - Ông: Đặng Chí Nhân | - Chức vụ: Chuyên viên. |
| - Ông: Lê Hoàng Thế Hưng | - Chức vụ: Chuyên viên. |

b) Đại diện Tư vấn giám sát khảo sát: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang.

- | | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| - Ông: Trần Võ Đông Giang | - Chức vụ: Giám đốc. |
| - Ông: Nguyễn Văn Chiề | - Chức vụ: Chủ nhiệm KS Địa hình. |
| - Ông: Nguyễn Văn Sơn | - Chức vụ: Chủ nhiệm KS Địa chất. |

3. Thời gian nghiệm thu :

- Bắt đầu: 15 giờ 30, ngày 20 tháng 01 năm 2024.
- Kết thúc: 16 giờ 30, ngày 20 tháng 01 năm 2024.
- Tại: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 30/2023/HĐ-TV ngày 27/12/2023 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang về việc giám sát khảo sát Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).



- Quyết định số 01/QĐ-BQLDA ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành giao thông tỉnh Tây Ninh, về việc phê duyệt phương án kỹ thuật khảo sát bước lập Báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

- Báo cáo hoàn thành công tác giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4) của Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang.

5. Đánh giá kết quả thực hiện:

a. Đánh giá chất lượng, tiến độ: Phù hợp với hợp đồng.

b. Khối lượng công việc hoàn thành: Phù hợp với hợp đồng.

c. Hình thức, số lượng hồ sơ:

- Hình thức hồ sơ: Phù hợp với hợp đồng.

- Số lượng hồ sơ giao nộp: Đầy đủ theo quy định trong hợp đồng.

d. Các vấn đề khác: Không.

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu công tác giám sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

Biên bản được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 06 bản, nhà thầu giữ 02 bản làm cơ sở thanh quyết toán Hợp đồng./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC**



Trần Võ Đông Giang

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Phương Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 21 tháng 5 năm 2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH

Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường Trường Chinh (Đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4)

Căn cứ Hợp đồng số 30/2023/HĐ-TV ngày 27/12/2023 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang về việc giám sát khảo sát Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

1. Đối tượng nghiệm thu: Công tác giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

2. Thành phần tham gia nghiệm thu:

a) Đại diện Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng ngành giao thông tỉnh Tây Ninh.

- | | |
|--------------------------|--------------------------|
| - Ông: Phạm Phương Bình | - Chức vụ: Phó Giám đốc. |
| - Ông: Dương Hoài Thanh | - Chức vụ: PTP QLDA. |
| - Ông: Đặng Chí Nhân | - Chức vụ: Chuyên viên. |
| - Ông: Lê Hoàng Thế Hưng | - Chức vụ: Chuyên viên. |

b) Đại diện Tư vấn giám sát khảo sát: Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang.

- | | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| - Ông: Trần Võ Đông Giang | - Chức vụ: Giám đốc. |
| - Ông: Nguyễn Văn Chiêu | - Chức vụ: Chủ nhiệm KS Địa hình. |
| - Ông: Nguyễn Văn Sơn | - Chức vụ: Chủ nhiệm KS Địa chất. |

3. Thời gian nghiệm thu:

- Bắt đầu: 15 giờ 30, ngày 21 tháng 5 năm 2024.
- Kết thúc: 16 giờ 30, ngày 21 tháng 5 năm 2024.
- Tại: Ban QLDA Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh.

4. Căn cứ nghiệm thu:

- Hợp đồng số 30/2023/HĐ-TV ngày 27/12/2023 được ký kết giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng ngành Giao thông tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH XD TM DV SX Phát Hưng Khang về việc giám sát khảo sát Gói thầu số 03 - Giám sát khảo sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).



- Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 21/5/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt dự án Đường Trường Chinh (Đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4)

5. Đánh giá kết quả thực hiện:

a. **Đánh giá chất lượng, tiến độ:** Phù hợp với hợp đồng.

b. **Khối lượng công việc hoàn thành:** Phù hợp với hợp đồng.

c. **Hình thức, số lượng hồ sơ:**

- Hình thức hồ sơ: Phù hợp với hợp đồng.

- Số lượng hồ sơ giao nộp: Đầy đủ theo quy định trong hợp đồng.

d. **Các vấn đề khác:** Không.

6. Kết luận:

Chấp nhận nghiệm thu công tác giám sát bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi thuộc dự án: Đường Trường Chinh (đoạn từ ĐT.781 đến đường 30/4).

Biên bản được lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 06 bản, nhà thầu giữ 02 bản làm cơ sở thanh quyết toán Hợp đồng./.

**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU TƯ VẤN
GIÁM ĐỐC**



Trần Võ Đông Giang

**ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Phương Bình



Tra NT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Dầu, ngày 26 tháng 4 năm 2024

HỢP ĐỒNG
Giám sát khảo sát địa chất
Số: 136/2024/HĐ-TVGS

Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất
Thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn

giữa

Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu

và

Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang



MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH	5
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG.....	5
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG.....	6
Điều 1. Diễn giải.....	6
Điều 2. Loại hợp đồng.....	7
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên.....	7
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	7
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	7
Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc Tư vấn giám sát khảo sát địa chất.....	8
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	8
Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng.....	8
Điều 9. Giá hợp đồng.....	8
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (TVGS).....	10
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư.....	11
Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có).....	12
Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS).....	12
Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu.....	13
Điều 16. Bảo hiểm.....	13
Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng.....	13
Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng.....	14
Điều 19. Chấm dứt hợp đồng.....	15
Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng.....	16
Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	17
Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.....	17
Điều 23. Tạm ứng và thanh toán.....	18
Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	18
Điều 25. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại.....	19
Điều 26. Điều khoản chung.....	19
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG.....	20
Điều 2. Loại hợp đồng.....	20

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng.....	20
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.....	20
Điều 4. Giá hợp đồng.....	20
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	20
Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS).....	21
Điều 19. Chấm dứt hợp đồng.....	21
Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn.....	21
Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng.....	21
Điều 23. Tạm ứng và thanh toán.....	21
Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	21
Điều 25. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại.....	22
Điều 26. Điều khoản chung.....	22

N
N
C
Y
V
D
★

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSDXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1/- Bên giao thầu (Chủ đầu tư – Bên A)

Tên giao dịch: **Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu**

Đại diện: Ông Huỳnh Việt Sơn Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276 3521 514

Tài khoản: 9552.3.8091491 Tại: Kho Bạc Nhà nước Gò Dầu

Mã số thuế: 3900795266 Email: ketoanbqldagd@gmail.com

Và một bên là

2/- Bên nhận thầu (Nhà thầu tư vấn – Bên B)

Tên giao dịch: **Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang**

Đại diện: Ông Trần Võ Đông Giang Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, kp. Hiệp Thạnh, p. Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3618 619

Tài khoản: 66110002164007 Tại: Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Tây Ninh

Mã số thuế: 3901219829

Giấy phép kinh doanh số: 3901219829 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 10/3/2016.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng giám sát khảo sát địa chất của gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất thuộc công trình Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BQLDA ngày 11/4/2024 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

Căn cứ Quyết định số 265B/QĐ-BQLDA ngày 24/4/2024 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

Căn cứ Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng số 136/2024/BBTT-TVGS ngày 26/4/2024 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu với Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang về việc thực hiện Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

Căn cứ Quyết định số 269H/QĐ-BQLDA ngày 26/4/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu về việc phê duyệt chỉ định thầu rút gọn Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn,

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu.
2. Nhà thầu tư vấn (TVGS) là: Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang.
3. Dự án là: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn.
4. Gói thầu là: Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất.
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực

tiếp thực hiện công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Quyết định số 219/QĐ-BQLDA ngày 12/7/2024 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu về việc phê duyệt chỉ định thầu rút gọn thực hiện Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

b) Điều kiện riêng: Tiến độ thực hiện hợp đồng là: **05 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Bao gồm ngày nghỉ Lễ, Tết, Chủ nhật).

c) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng số 136/2024/BBTT-TVGS ngày 12/4/2024 giữa Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu với Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang về việc thực hiện Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

d) Các Phụ lục hợp đồng;

e) Các tài liệu khác có liên quan...

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc Tư vấn giám sát khảo sát địa chất

6.1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.

b) Giám sát công tác Khảo sát hiện trường.

c) Giám sát khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

d) Kiểm tra Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

e) Các công việc giám sát công tác khảo sát xây dựng khác.

6.2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng bao gồm:

a) Đề cương giám sát công tác khảo sát địa chất.

b) Nhật ký giám sát công tác khảo sát địa chất.

c) Báo cáo kết quả giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

7.1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là: 08 bộ

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

8.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên;

b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát công tác khảo sát xây dựng.

d) Đề cương giám sát công tác khảo sát xây dựng được duyệt.

8.2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành: **01 lần**

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].

b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10.1 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng giám sát địa chất bao gồm:

- Chi phí chuyên gia
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
- Chi phí đi thực địa.
- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế đối với tư vấn thiết kế và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Chi phí khác có liên quan.

b) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

- Điều chỉnh hợp đồng bao gồm điều chỉnh khối lượng, điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng, điều chỉnh giá hợp đồng và các nội dung khác (nếu có) mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hợp đồng xây dựng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 64 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Trường hợp khi Nhà nước thay đổi chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng, thì việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng cho phần công việc bị ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách đó và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện chính sách.

1. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

2. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn (TVGS) có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn (TVGS) căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn (TVGS) căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại ĐKCT].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (TVGS)

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn (TVGS):

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

e) Kiến nghị Chủ đầu tư tạm dừng hợp đồng đối với nhà thầu khảo sát địa chất khi xét thấy chất lượng khảo sát địa chất không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (TVGS):

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn (TVGS) để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn (TVGS) thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn (TVGS) có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà thầu phụ (nếu có) có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

- a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.
- b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.
- c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn (TVGS) nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn (TVGS).
- d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.
- đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn (TVGS) thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

- a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).
- b) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- c) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn (TVGS) về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn (TVGS) được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn (TVGS).
- g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) thực hiện công việc tư vấn xây dựng.
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với Nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà Nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của Nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn (TVGS) cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho Nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS)

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS) và Nhà thầu phụ (nếu có) phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong đề cương giám sát. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn (TVGS) thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn (TVGS) thay thế bất kỳ nhân sự nào nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư (người đó được cho là quản lý kém hoặc không đủ năng lực, thiếu sự cẩn trọng trong công việc hoặc không thường xuyên có mặt ở công trình hoặc vắng mặt quá 03 lần tại các thời điểm Chủ đầu tư kiểm tra mà không có lý do chính đáng và chưa được sự chấp thuận của Chủ đầu tư) hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Khi đó, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải cử người khác có đủ năng lực thay thế trong vòng 07 ngày khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn (TVGS) chịu và trong trường hợp này Nhà thầu tư vấn (TVGS) không được trì hoãn công việc của mình. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn (TVGS) thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận của Nhà thầu tư vấn (TVGS).

6. Nhà thầu tư vấn (TVGS) tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật

Lao động. Nhà thầu tư vấn (TVGS) không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn (TVGS).

Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn (TVGS) thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Bảo hiểm

Nhà thầu tư vấn (TVGS) mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn (TVGS) bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn (TVGS).

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS):

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu tư vấn (TVGS) bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của Nhà thầu tư vấn (TVGS) và yêu cầu Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn (TVGS)

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn (TVGS). Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn (TVGS) không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu tư vấn (TVGS) không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn (TVGS) bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn (TVGS) từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn (TVGS) cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn (TVGS) khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn (TVGS) này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

i) Nhân sự của Nhà thầu tư vấn (TVGS) không đảm bảo theo quy định và không thường xuyên có mặt giám sát tại công trình.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn (TVGS)

Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại ĐKCT].

e) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn (TVGS) đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT của

Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần giá trị mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS).

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn (TVGS) chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho Nhà thầu tư vấn (TVGS).

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt hợp đồng].

Khi có quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình: Nếu giá trị phê duyệt quyết toán nhỏ hơn giá trị đã thanh toán thì Nhà thầu phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư nộp trả vào ngân sách Nhà nước theo đúng qui định.

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**]:

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn (TVGS) cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu tư vấn (TVGS).

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phân công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn (TVGS) hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn (TVGS).

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không áp dụng
2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại ĐKCT]

Khi Nhà thầu hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ thanh toán theo qui định gửi cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu và kế hoạch vốn phân khai trong năm để thanh toán. Việc thanh toán được chia làm 01 lần:

Sau khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị được nghiệm thu.

Khi có quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình: Nếu giá trị phê duyệt quyết toán nhỏ hơn giá trị đã thanh toán thì Nhà thầu phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư nộp trả vào ngân sách Nhà nước theo đúng qui định.

Trong vòng [quy định tại ĐKCT], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu tư vấn (TVGS).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn (TVGS) bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản đã tạm ứng, thanh toán qua các giai đoạn.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong

vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Phạt vi phạm hợp đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 64 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

Đối với Nhà thầu tư vấn (TVGS): [quy định tại **ĐKCT**].

Đối với Chủ đầu tư: Nếu không cung cấp kịp thời những tài liệu và thanh toán theo yêu cầu của tiến độ đã được xác định thì cũng sẽ bị phạt theo hình thức trên.

Ngoài ra phạt vi phạm hợp đồng còn căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 26. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại ĐKCT].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ giữ [quy định tại ĐKCT].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Nguồn vốn: Vốn tính hỗ trợ có mục tiêu và ngân sách huyện.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng.

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 10 bộ.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **2.503.000 đồng** (đã bao gồm thuế VAT 8%)

Loại tiền được sử dụng: VNĐ.

Số tiền bằng chữ: Hai triệu, năm trăm lẻ ba ngàn đồng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất:

Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện).

Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

2. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất:

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã

ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS)

3. Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày.

Nhà thầu tư vấn (TVGS) không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày.

Nhà thầu tư vấn (TVGS) không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian sau 45 ngày liên tục.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 14 ngày.

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 1 lần.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là 10 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian thực hiện công tác giám sát khảo sát địa chất được tính từ khi bắt đầu khảo sát địa chất công trình và Chủ đầu tư bàn giao cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) đầy đủ hồ sơ tài liệu kỹ thuật công trình cho đến ngày hoàn thành công tác khảo sát địa chất theo đúng tiến độ của nhà thầu đã ký với Chủ đầu tư.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không.

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 01 lần.

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là 07 ngày làm việc.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là trong vòng 07 ngày.



2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là tối đa không quá 30 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật là trong vòng 28 ngày.

Giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được quy định tại Điều 45 Nghị định 37/2015/NĐ-CP hướng dẫn về hợp đồng xây dựng.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

+ Phạt chậm tiến độ:

- Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng quá 10 ngày thì phạt 2% giá hợp đồng cho mỗi 05 ngày chậm, nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

+ Phạt vi phạm quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng theo Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

- Ngoài mức phạt do vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 25, các bên còn phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 04 năm 2024. Hiệu lực của hợp đồng cho đến khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền và tất toán công trình.

Hợp đồng này bao gồm 22 trang và được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ giữ 04 bản.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC


TRẦN VÕ ĐÔNG GIANG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC 

HUYNH VIỆT SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Gò Dầu, ngày 26 tháng 4 năm 2024

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO, HOÀN THIỆN HỢP ĐỒNG

Số: 136/2024/BBTT-TVGS

Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất

Công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn

PHẦN 1 – THÔNG TIN GIAO DỊCH CỦA CHỦ ĐẦU TƯ VÀ NHÀ THẦU

Hôm nay, ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại Văn phòng Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu, chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1/- Chủ đầu tư – Bên A

Tên giao dịch: **Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu**

Đại diện: **Ông Huỳnh Việt Sơn** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: **Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.**

Điện thoại: **0276 3521 514**

Tài khoản: **9552.3.8091491** Tại: **Kho Bạc Nhà nước Gò Dầu**

Mã số thuế: **3900795266** Email: **ketoanbqldagd@gmail.com**

Và một bên là

2/- Nhà thầu tư vấn – Bên B

Tên giao dịch: **Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang**

Đại diện: **Ông Trần Võ Đông Giang** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: **Số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, kp. Hiệp Thạnh, p. Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.**

Điện thoại: **0276.3618 619**

Tài khoản: **66110002164007** Tại: **Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Tây Ninh**

Mã số thuế: **3901219829**

Giấy phép kinh doanh số: 3901219829 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 10/3/2016.

Hai Bên thoả thuận ký kết Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng Giám sát khảo sát địa chất với những điều khoản sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 11/4/2024 của UBND huyện Gò Dầu về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

Căn cứ Quyết định số 171/QĐ-BQLDA ngày 11/4/2024 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu về việc phê duyệt dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư xây dựng công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn;

Căn cứ Quyết định số 265B/QĐ-BQLDA ngày 24/4/2024 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bước chuẩn bị đầu tư thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn.

Điều 1. Nội dung và khối lượng công việc giám sát khảo sát địa chất công trình

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện công tác giám sát khảo sát địa chất thuộc công trình Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.
- b) Giám sát công tác Khảo sát hiện trường.

c) Giám sát khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

d) Kiểm tra Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

e) Các công việc giám sát công tác khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng giám sát khảo sát địa chất bao gồm:

a) Đề cương giám sát công tác khảo sát địa chất.

b) Nhật ký giám sát công tác khảo sát địa chất.

c) Báo cáo kết quả giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định.

Điều 2. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng:

1. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện công tác giám sát khảo sát địa chất được tính từ khi bắt đầu khảo sát địa chất công trình Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn và bên A bàn giao cho bên B đầy đủ hồ sơ tài liệu kỹ thuật công trình.

- Thời gian thực hiện hợp đồng: **40 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn.

Điều 3. Loại hợp đồng:

3.1 Loại hợp đồng: Trọn gói.

3.2 Nguồn vốn: Vốn tỉnh hỗ trợ có mục tiêu và ngân sách huyện.

Điều 4. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:

a. Giá trị hợp đồng: 2.503.000 đồng (đã bao gồm thuế VAT 8%).

(Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm lẻ ba ngàn đồng)

Giá trị hợp đồng trọn gói là khi thanh toán không được thanh toán vượt giá trị hợp đồng đã ký kết và đồng thời không được thanh toán vượt quyết định phê duyệt dự án (hoặc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật).

* Giá Hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế đối với tư vấn thiết kế và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

- Chi phí khác có liên quan.

* Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

b. Tạm ứng hợp đồng: Không

c. Cách thức thanh toán hợp đồng:

Khi Nhà thầu hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ thanh toán theo qui định gửi cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu và kế hoạch vốn phân khai trong năm để thanh toán. Việc thanh toán được chia làm 01 lần:

Sau khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị được nghiệm thu.

Khi có quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình: Nếu giá trị phê duyệt quyết toán nhỏ hơn giá trị đã thanh toán thì Nhà thầu phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư nộp trả vào ngân sách Nhà nước theo đúng qui định.

d. Thời hạn thanh toán:

Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

e. Hồ sơ thanh toán:

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện Nhà tư vấn (nếu có) và đại diện nhà thầu.

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

Điều 5. Đồng tiền và hình thức thanh toán:

Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng là tiền Việt Nam Đồng (VNĐ).

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 6. Điều chỉnh hợp đồng:

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng

- Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.

- Đối với hợp đồng tư vấn xây dựng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn: Thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện.

Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu số 02 được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu số 02 được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu số 02 mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu số 02 này theo quy định hiện hành.

Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thay đổi phạm vi công việc (tăng, giảm) trong Hợp đồng thì đối với khối lượng công việc này các bên thỏa thuận điều chỉnh tương ứng. Việc điều chỉnh khối lượng này là căn cứ để điều chỉnh giá hợp đồng.

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP .

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP , Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng: Thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và các quy định sau:

Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.



Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.

Điều 7. Bộ trí nhân sự:

Nhân sự của TVGS (tư vấn giám sát) phải có chứng chỉ hành nghề, trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm phù hợp, tương xứng về nghề nghiệp;

Trong quá trình giám sát nếu cần thay đổi nhân sự, TVGS phải báo trước và được sự chấp thuận của bên A, mặt khác bên A có quyền yêu cầu TVGS thay đổi nhân sự nếu xét thấy không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ.

Điều 8. Phạt vi phạm hợp đồng:

+ Phạt chậm tiến độ:

- Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng quá 10 ngày thì phạt 2% giá hợp đồng cho mỗi 05 ngày chậm, nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

+ Phạt vi phạm quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng theo Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Điều 9. Điều khoản chung:

9.1. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của nhà nước.

9.2. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng này.

9.3. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng là văn bản pháp lý được đính kèm theo hợp đồng.

9.4. Biên bản này được lập thành 08 bản có giá trị như nhau. Bên A giữ 06 bản, bên B giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
GIÁM ĐỐC


TRẦN VÕ ĐÔNG GIANG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
GIÁM ĐỐC


HUỲNH VIỆT SƠN

BẢNG ĐỀ NGHỊ QUYẾT TOÁN

Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất

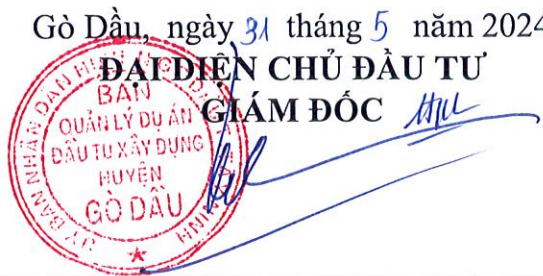
Thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn

STT	TÊN CÔNG VIỆC	ĐVT	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Chi phí giám sát khảo sát địa chất	đồng	100%	2.503.000	2.503.000
	Tổng cộng				2.503.000

Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm lẻ ba ngàn đồng.



Trần Võ Đông Giang



Thái Văn Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gò Dầu, ngày 16 tháng 7 năm 2024

PHỤ LỤC BỔ SUNG HỢP ĐỒNG
(Về việc điều chỉnh thông tin Chủ đầu tư)

Số: 136A/2024/PLHĐ-TVGS

Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất

Thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn

Căn cứ hợp đồng số 136/2024/HĐ-TVGS ngày 26/4/2024 giữa Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu và Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang về việc thực hiện Gói thầu số 02: Giám sát khảo sát địa chất thuộc công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đồn;

Căn cứ Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND huyện Gò Dầu về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu,

Hôm nay, ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1/- Bên giao thầu (Chủ đầu tư – Bên A)

Tên giao dịch: **Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu**

Đại diện: Ông **Thái Văn Cường** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276 3521 514

Tài khoản: 9552.3.8091491 Tại: Kho Bạc Nhà nước Gò Dầu

Mã số thuế: 3900795266 Email: ketoanbqldagd@gmail.com

Và một bên là

2/- Bên nhận thầu (Nhà thầu – Bên B)

Tên giao dịch: **Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang**

Đại diện: Ông **Trần Võ Đông Giang** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, kp. Hiệp Thạnh, p. Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3618 619

Tài khoản: 66110002164007 Tại: Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Tây Ninh

Mã số thuế: 3901219829

Giấy phép kinh doanh số: 3901219829 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 10/3/2016.



**HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT ĐIỀU CHỈNH
HỢP ĐỒNG SỐ 136/2024/HĐ-TVGS ngày 26/4/2024**

Điều 1: Điều chỉnh thông tin Chủ đầu tư

- Thông tin ban đầu của hợp đồng

Tên giao dịch: **Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu**
Đại diện: Ông Huỳnh Việt Sơn Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ: Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
Điện thoại: 0276 3521 514
Tài khoản: 9552.3.8091491 Tại: Kho Bạc Nhà nước Gò Dầu
Mã số thuế: 3900795266 Email: ketoanbqldagd@gmail.com

- Thông tin điều chỉnh của hợp đồng

Tên giao dịch: **Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu**
Đại diện: Ông Thái Văn Cường Chức vụ: **Giám đốc**
Địa chỉ: Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh
Điện thoại: 0276 3521 514
Tài khoản: 9552.3.8091491 Tại: Kho Bạc Nhà nước Gò Dầu
Mã số thuế: 3900795266 Email: ketoanbqldagd@gmail.com

Lý do: Căn cứ Quyết định số 2939/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện Gò Dầu về việc điều động và bổ nhiệm viên chức quản lý, ông Thái Văn Cường đến nhận công tác tại Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Gò Dầu và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc kể từ ngày 15/7/2024.

Điều 2: Điều khoản chung

Các điều khoản còn lại của hợp đồng số 136/2024/HĐ-TVGS ngày 26/4/2024 không thay đổi và Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời Hợp đồng số 136/2024/HĐ-TVGS ngày 26/4/2024.

Phụ lục bổ sung hợp đồng lập thành 08 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký.



Trần Võ Đông Giang



Thái Văn Cường

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG
(Tur vấn Giám sát khảo sát địa chất)

Công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn

Địa điểm xây dựng: xã Bàu Đôn, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ hợp đồng số 136/2024/HĐ-TVGS ngày 26/4/2024 được ký kết giữa Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu với Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang về việc Tur vấn Giám sát khảo sát địa chất công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn.

Căn cứ Phụ lục hợp đồng số 136A/2024/PLHĐ-TVGS ngày 16/7/2024 được ký kết giữa Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu với Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang về việc điều chỉnh thông tin chủ đầu tư hợp đồng tur vấn Giám sát khảo sát địa chất công trình: Xây mới 02 phòng bộ môn Trường Tiểu học Bàu Đôn

Hôm nay, ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Bên A: Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Gò Dầu

- Đại diện là: ông **Thái Văn Cường** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Thị trấn Gò Dầu, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.
- Điện thoại: 0276 3521 514

2. Bên B: Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang

- Đại diện là: Ông **Trần Võ Đông Giang** Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: Số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, kp. Hiệp Thạnh, p. Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Tài khoản số: 66110002164007 Tại: Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Tây Ninh
- Mã số thuế: 3901219829
- Điện thoại số: 0276.3618 619

Hai thỏa thuận thống nhất ký kết thanh lý Hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: Tình hình thực hiện hợp đồng:

Hai bên A và B đã thực hiện đầy đủ theo các khoản mục đã ký trong hợp đồng

số 136/2024/HĐ-TVGS ngày 26/4/2024

Điều 2: Giá trị quyết toán hợp đồng:

Giá trị quyết toán hợp đồng: **2.503.000 đồng.**

Số tiền bên A đã thanh toán cho bên B: **0 đồng.**

Số tiền bên A còn phải thanh toán cho bên B đến ngày thanh lý hợp đồng: **2.503.000 đồng** (Bằng chữ: Hai triệu, năm trăm lẻ ba ngàn đồng).

Điều 3: Điều khoản chung:

Biên bản này có giá trị thanh lý hợp đồng kể từ ngày bên A thanh toán hết số tiền cho bên B theo điều 2 của biên bản thanh lý hợp đồng.

Biên bản thanh lý được lập thành 08 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 06 bản, bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc

Frân Võ Đông Giang

ĐẠI DIỆN BÊN A
Giám đốc 

Thái Văn Cường

Số: 10A/QĐ-BCH

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt chỉ định thầu đơn vị thực hiện gói thầu: Chi phí giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh

CHỈ HUY TRƯỞNG BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14 ngày 28/6/2020; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/10/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư: Số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu; Số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng; Số 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; Số 74/2023/TT-BQP ngày 11/10/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021.

Căn cứ Quyết định số 3622/QĐ-BQP ngày 14/10/2021 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 4639/QĐ-BQP ngày 08/10/2024 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-BCH ngày 15/10/2024 của Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn

Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;
Theo Tờ trình số 08A/TTr-HCKT, ngày 14/10/2024 của Phòng Hậu cần - Kỹ thuật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn vị thực hiện gói thầu chi phí giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài (851) với các nội dung chủ yếu như sau:

a) Tên nhà thầu: Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang.

- Đại diện: Ông Trần Võ Đông Giang; Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Số 73 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thành, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: 0276.3618619;

- Mã số thuế: 3901219829.

- Tài khoản: 6612164007 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Ninh.

b) Hồ sơ năng lực pháp lý của nhà thầu như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901219829 do Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/3/2017.

- Quyết định số 133/QĐ-SXD ngày 31/7/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh V/v cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

Năng lực pháp lý của Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang đáp ứng công việc tư vấn theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công việc được chỉ định: Thực hiện giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài để phục vụ công tác các bước tiếp theo.

3. Giá trị hợp đồng đề nghị chỉ định thầu: **20.181.891** đồng.

Bằng chữ: Hai mươi triệu, một trăm tám mươi một nghìn, tám trăm chín mươi một đồng.

Giá trị hợp đồng theo giá trị dự toán phê duyệt tại Quyết định 09/QĐ-BCH ngày 15/10/2024 của Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt phê duyệt đề cương, Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài;

4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

6. Thời gian thực hiện: Là 20 ngày, kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và bên yêu cầu cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu quy định cho bên nhận nhà thầu. Không bao gồm ngày lễ, tết và ngày nghỉ tuần.

Điều 2. Ban Quản lý dự án công trình, Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, HCKT. T8.

CHỈ HUY TRƯỞNG



Đại tá Lê Văn Vỹ

Số: 09A/BC-BQLDA

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

BÁO CÁO

Về việc thẩm định Hồ sơ năng lực của nhà thầu để thực hiện
Gói thầu: Chi phí giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư
Dự án Đôn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14 ngày 28/6/2020; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/10/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư: Số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu; Số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng; Số 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; Số 74/2023/TT-BQP ngày 11/10/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021.

Căn cứ Quyết định số 3622/QĐ-BQP ngày 14/10/2021 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 4639/QĐ-BQP ngày 08/10/2024 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đôn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-BCH ngày 15/10/2024 của Bộ Chỉ huy BDBP tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu chuẩn bị đầu tư Dự

án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-BCH, ngày 10/10/2024 của Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài;

Căn cứ Hồ sơ năng lực của Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang và thoả thuận sơ bộ giữa hai bên;

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh về việc thẩm định Hồ sơ năng lực và tư cách pháp nhân của nhà thầu Tư vấn gói thầu: Chi phí giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài;

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Sau khi kiểm tra hồ sơ năng lực và đơn xin dự thầu của Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang có địa chỉ tại Số 73 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thành, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Ban quản lý dự án báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ năng lực và đơn xin dự thầu gói thầu: Tư vấn giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài với những nội dung như sau:

1. Năng lực kinh nghiệm: Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang có địa chỉ tại Số 73 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thành, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh là đơn vị đã thành lập từ năm 2016, đã tham gia thực hiện các gói thầu của các công trình tương đương hoặc lớn hơn.

2. Tư cách pháp nhân: Hồ sơ năng lực của Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang có địa chỉ tại Số 73 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thành, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh có đủ tư cách pháp nhân theo quy định hiện hành của Nhà nước gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901219829 do Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/3/2017.

- Quyết định số 133/QĐ-SXD ngày 31/7/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh V/v cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

II. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

Hồ sơ năng lực và đơn xin chỉ định thầu của Hồ sơ năng lực của Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang, phù hợp đáp ứng với quy định hiện hành của Nhà nước và của địa phương, đáp ứng yêu cầu gói thầu: Chi phí giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài;

Ban quản lý dự án đề nghị: Thủ trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh (*Chủ đầu tư*) xem xét phê duyệt chỉ định thầu Công ty TNHH XD - TM - DV -

SX Phát Hưng Khang thực hiện gói thầu: Chi phí giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài./.

Nơi nhận:

- BCH (Tr/d);
- BQL dự án;
- Ban Tài chính;
- Lưu: BQLDA. C05.

CÁC THÀNH VIÊN TỔ THẨM ĐỊNH

Trung tá Phạm Đức Tuấn:.....

Thượng úy Hoàng Hải Đăng:.....

Thiếu tá CN Phạm Công Sinh:.....

Số: 08A/TTr-HCKT

Tây Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt chỉ định thầu đơn vị thực hiện gói thầu: Chi phí giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh

Kính gửi: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 62/2020/QH14 ngày 28/6/2020; Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 Quy định chi tiết về Hợp đồng xây dựng; Số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP; Số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/10/2021 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ các Thông tư: Số 07/2024/TT-BKHĐT ngày 26/4/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu; Số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng; Số 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021 của Bộ Quốc phòng quy định một số nội dung về lựa chọn nhà thầu trong phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng; Số 74/2023/TT-BQP ngày 11/10/2023 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 05/2021/TT-BQP ngày 12/01/2021.

Căn cứ Quyết định số 3622/QĐ-BQP ngày 14/10/2021 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 4639/QĐ-BQP ngày 08/10/2024 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 10/QĐ-BCH ngày 15/10/2024 của Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ hồ sơ năng lực của nhà thầu, thỏa thuận sơ bộ giữa hai bên.

Phòng Hậu cần - Kỹ thuật trình Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Tây Ninh phê duyệt như sau:

1. Phê duyệt chỉ định thầu tư vấn với các nội dung sau:

a) Tên nhà thầu: Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang.

- Đại diện: Ông Trần Võ Đông Giang; Chức vụ: Giám đốc.

- Địa chỉ: Số 73 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố Hiệp Thành, phường Hiệp Ninh, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Điện thoại: 0276.3618619;

- Mã số thuế: 3901219829.

- Tài khoản: 6612164007 tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Tây Ninh.

b) Hồ sơ năng lực pháp lý của nhà thầu như sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901219829 do Sở KH&ĐT tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10/3/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/3/2017.

- Quyết định số 133/QĐ-SXD ngày 31/7/2024 của Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh V/v cấp gia hạn chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng cho tổ chức tham gia hoạt động xây dựng.

Năng lực pháp lý của Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Phát Hưng Khang đáp ứng công việc tư vấn theo quy định của pháp luật.

2. Nội dung công việc được chỉ định: Thực hiện giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài để phục vụ công tác các bước tiếp theo.

3. Giá trị hợp đồng đề nghị chỉ định thầu: **20.181.891** đồng.

Bằng chữ: Hai mươi triệu, một trăm tám mươi một nghìn, tám trăm chín mươi một đồng.

Giá trị hợp đồng theo giá trị dự toán phê duyệt tại Quyết định 09/QĐ-BCH ngày 15/10/2024 của Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt phê duyệt đề cương, Dự toán chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài;

4. Loại hợp đồng: Trọn gói.

5. Nguồn vốn: Ngân sách Nhà nước.

6. Thời gian thực hiện: Là 20 ngày, kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng và bên yêu cầu cung cấp đầy đủ hồ sơ tài liệu quy định cho bên nhận nhà thầu.

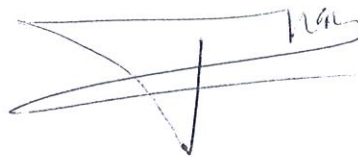
Không bao gồm ngày lễ, tết và ngày nghỉ tuần.

Kính trình Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh xem xét phê duyệt./.

Nơi nhận:

- Bộ Chỉ huy BĐBP tỉnh (P/d);
- Lưu: Ban QLDA, HS. C6.

TRƯỞNG PHÒNG



Trung tá Phạm Đức Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2024.

BIÊN BẢN THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG

SỐ: 10/2024/BBTT-TVGS

**Gói thầu: Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng
giai đoạn chuẩn bị đầu tư**

**Dự án: Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên
phòng tỉnh Tây Ninh**

I. Các căn cứ pháp lý để thương thảo hợp đồng

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Quyết định số: 3622/QĐ-BQP ngày 14/10/2021 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số: 4639/QĐ-BQP ngày 08/10/2024 của Bộ Quốc phòng về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số: 10/QĐ-BCH ngày 15/10/2024 của Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh.

II. Thành phần tham dự :

1. Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A): Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh

Đại diện: ông **Lê Văn Vỹ** - Đại tá - Chỉ huy trưởng

Địa chỉ: Số 395 CMT8 phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tài khoản số: 9552.1.7004686 Tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh.

Mã số thuế: 3900410780

2. Nhà thầu tư vấn (gọi tắt là bên B): Công ty TNHH XD – TM – DV – SX Phát Hưng Khang

Đại diện: ông **Trần Võ Đông Giang** Chức vụ: Giám Đốc

Địa chỉ: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Tài khoản: 6612164007 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh.

Mã số thuế: 3901219829

III. Nội dung:

Sau khi bàn bạc thương thảo về hợp đồng gói thầu: Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh. Hai bên đã đi đến thống nhất một số điểm cơ bản trong hợp đồng như sau:

1. MÔ TẢ PHẠM VI CÔNG VIỆC

Chủ đầu tư đồng ý thuê và Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh đồng ý thực hiện các công việc như sau:

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.
- b) Giám sát công tác Khảo sát hiện trường.
- c) Giám sát khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.

d) Kiểm tra Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.

e) Các công việc giám sát công tác khảo sát xây dựng khác.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng bao gồm:

- a) Đề cương giám sát công tác khảo sát địa chất.
- b) Nhật ký giám sát công tác khảo sát địa chất.
- c) Báo cáo kết quả giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định.

2. GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ THANH TOÁN

2.1 Giá trị hợp đồng ký kết (đã bao gồm VAT): **20.181.891 đồng** (Hai mươi triệu, một trăm tám mươi một ngàn, tám trăm chín mươi một đồng).

2.2 Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

2.3 Nội dung của Giá Hợp đồng

Chi phí nhân công cho chuyên gia, chi phí vật tư, vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng;

Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh hồ sơ sau các cuộc họp, báo cáo;

Chi phí đi thực địa, chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu các giai đoạn tại hiện trường và nghiệm thu chạy thử, bàn giao;

Chi phí mua tài liệu tham khảo phục vụ cho công việc tư vấn, ...

2.4 Tiến độ thanh toán

Trong vòng 07 ngày sau khi bàn giao sản phẩm hoàn thành, hồ sơ nghiệm thu, chủ đầu tư thanh toán 100% giá trị hợp đồng cho nhà thầu.

3. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Thời gian thực hiện hợp đồng: 20 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công tác khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị đầu tư).

4. THƯỞNG, PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

4.1 Thưởng hợp đồng : Không áp dụng.

4.2 Phạt vi phạm hợp đồng.

Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 01 ngày thì phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho 01 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

IV. Kết luận:

- Thành phần tham dự thống nhất các nội dung nêu trên.
- Biên bản gồm có 03 trang, được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý như nhau, Chủ đầu tư giữ 07 bản, nhà thầu giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



Trần Võ Đông Giang

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Đại tá Lê Văn Vỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

HỢP ĐỒNG

Giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị đầu tư

Số: 10/2024/HĐ-TVGS

**Gói thầu: Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng
giai đoạn chuẩn bị đầu tư**

**Dự án: Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên
phòng tỉnh Tây Ninh**

giữa

Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh

và

Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	4
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH.....	5
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	5
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	6
Điều 1. Diễn giải	6
Điều 2. Loại hợp đồng	7
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên	7
Điều 4. Trao đổi thông tin.....	7
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	7
Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc Tư vấn giám sát khảo sát địa chất	7
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	8
Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng	8
Điều 9. Giá hợp đồng.....	8
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (TVGS)	10
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư	11
Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có).....	12
Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS).....	12
Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu	13
Điều 16. Bảo hiểm	13
Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng	13
Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng	14
Điều 19. Chấm dứt hợp đồng.....	15
Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng	16
Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	17
Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	17
Điều 23. Tạm ứng và thanh toán.....	18
Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	19
Điều 25. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	19
Điều 26. Điều khoản chung	20
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	20
Điều 2. Loại hợp đồng	20
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	20
Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng	20

Điều 4. Giá hợp đồng.....	20
Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng.....	20
Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS).....	21
Điều 19. Chấm dứt hợp đồng.....	21
Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn	21
Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng	21
Điều 23. Tạm ứng và thanh toán.....	22
Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	22
Điều 25. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại	22
Điều 26. Điều khoản chung	22

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung
ĐKCT	Điều kiện cụ thể
HSMT	Hồ sơ mời thầu
HSDXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
HSDXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
Luật Xây dựng số 50/2014/QH13	Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội.
Luật số 62/2020/QH14	Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.
Nghị định số 37/2015/NĐ-CP	Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 50/2021/NĐ-CP	Nghị định số 50/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng.
Nghị định số 06/2021/NĐ-CP	Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
Nghị định số 15/2021/NĐ-CP	Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1/- Bên giao thầu (Chủ đầu tư – Bên A)

Tên giao dịch: **Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh**

Đại diện: Ông **Lê Văn Vỹ** - Đại tá - Chỉ huy trưởng

Địa chỉ: Số 395 CMT phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Tài khoản số: Tài khoản: 9552.1.7004686 Tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh.

Mã số thuế: 3900410780

Và một bên là

2/- Bên nhận thầu (Nhà thầu tư vấn – Bên B)

Tên giao dịch: **Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang**

Đại diện: Ông **Trần Võ Đông Giang** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ: Số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, kp. Hiệp Thạnh, p. Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0276.3618 619

Tài khoản: 6612164007 Tại: Ngân hàng BIDV- Chi nhánh Tây Ninh

Mã số thuế: 3901219829

Giấy phép kinh doanh số: 3901219829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 10/3/2016.

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng giám sát khảo sát địa chất của gói thầu: Tư vấn giám sát khảo sát giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 7;

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc Hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc Hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 tháng 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 02 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03 tháng 03 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh.
2. Nhà thầu tư vấn (TVGS) là: Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang.
3. Dự án là: Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh.
4. Gói thầu là: Tư vấn giám sát công tác khảo sát chuẩn bị đầu tư.
5. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.
6. Đại diện Nhà thầu tư vấn là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt Nhà thầu tư vấn điều hành công việc.
7. Nhà thầu phụ là tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu tư vấn để trực tiếp thực hiện công việc.
8. Hợp đồng là toàn bộ hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên].
9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc được hiểu là các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Điều kiện riêng: Tiến độ thực hiện hợp đồng là: **20 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (Bao gồm ngày nghỉ Lễ, Tết, Chủ nhật).

b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng số 10/2024/BBTT-TVGS ngày/10/2024 giữa Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh với Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang về việc thực hiện Gói thầu: Tư vấn giám sát công tác khảo sát giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án: Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

c) Các Phụ lục hợp đồng;

d) Các tài liệu khác có liên quan...

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

Điều 6. Nội dung và khối lượng công việc Tư vấn giám sát khảo sát địa chất

6.1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên, bao gồm các công việc chủ yếu sau:

- a) Thu thập và phân tích số liệu, tài liệu đã có.
- b) Giám sát công tác Khảo sát hiện trường.
- c) Giám sát khoan, lấy mẫu, thí nghiệm, xác định tính chất cơ lý, hóa học của đất, đá, nước.
- d) Kiểm tra Xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả khảo sát xây dựng.
- e) Các công việc giám sát công tác khảo sát xây dựng khác.

6.2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng bao gồm:

- a) Đề cương giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình.
- b) Nhật ký giám sát công tác khảo sát địa chất.
- c) Báo cáo kết quả giám sát công tác khảo sát xây dựng theo quy định.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

7.1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các Điều Khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

7.2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của Hợp đồng là: 08 bộ

Điều 8. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

8.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng:

- a) Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên;
- b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;
- c) Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát công tác khảo sát xây dựng.
- d) Đề cương giám sát công tác khảo sát xây dựng được duyệt.

8.2. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành: **01 lần**

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, chủ đầu tư căn cứ vào Hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong Hợp đồng.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

- a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: [quy định tại **ĐKCT**].
- b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 10.1 [Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng].

2. Nội dung của giá hợp đồng

a) Nội dung của giá hợp đồng giám sát địa chất bao gồm:

- Chi phí chuyên gia
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
- Chi phí đi thực địa.
- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế đối với tư vấn thiết kế và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật.
- Chi phí khác có liên quan.

b) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

- Điều chỉnh hợp đồng bao gồm điều chỉnh khối lượng, điều chỉnh đơn giá, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng, điều chỉnh giá hợp đồng và các nội dung khác (nếu có) mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

- Hợp đồng xây dựng chỉ được điều chỉnh trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 và khoản 3 Điều 143 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 64 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng. Trường hợp khi Nhà nước thay đổi chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng, thì việc điều chỉnh hợp đồng chỉ được áp dụng cho phần công việc bị ảnh hưởng của sự thay đổi chính sách đó và việc điều chỉnh thực hiện theo quy định của cơ quan ban hành, hướng dẫn thực hiện chính sách.

1. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng tư vấn

Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

2. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng tư vấn

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn (TVGS) có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định

số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn (TVGS) căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn (TVGS) căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (TVGS)

1. Quyền của Nhà thầu tư vấn (TVGS):

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ tư vấn theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn.

e) Kiến nghị Chủ đầu tư tạm dừng hợp đồng đối với nhà thầu khảo sát địa chất, địa hình khi xét thấy chất lượng khảo sát không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu tư vấn (TVGS):

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

c) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

d) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu tư vấn (TVGS) để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn (TVGS) thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu tư vấn (TVGS) có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của Nhà thầu phụ (nếu có) có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu tư vấn (TVGS) nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu tư vấn (TVGS).

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu tư vấn (TVGS) thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo thẩm quyền trong

quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Hướng dẫn Nhà thầu tư vấn (TVGS) về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT; tạo điều kiện để Nhà thầu tư vấn (TVGS) được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu tư vấn (TVGS).

g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 13. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với Nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của Nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà Nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.

2. Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của Nhà thầu phụ.

3. Nhà thầu tư vấn (TVGS) cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho Nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS)

1. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS) và Nhà thầu phụ (nếu có) phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng được quy định cụ thể

2. Chức danh, công việc thực hiện, trình độ và thời gian dự kiến tham gia thực hiện được quy định trong đề cương giám sát. Trường hợp thay đổi nhân sự, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải trình bày lý do, đồng thời cung cấp lý lịch của người thay thế cho Chủ đầu tư, người thay thế phải có trình độ tương đương hoặc cao hơn người bị thay thế. Nếu Chủ đầu tư không có ý kiến về nhân sự thay thế trong vòng 07 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị của Nhà thầu tư vấn (TVGS) thì nhân sự đó coi như được Chủ đầu tư chấp thuận.

3. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu Nhà thầu tư vấn (TVGS) thay thế bất kỳ nhân sự nào nếu người đó không đáp ứng được yêu cầu của Chủ đầu tư (người đó được cho là quản lý kém hoặc không đủ năng lực, thiếu sự cẩn trọng trong công việc hoặc không thường xuyên có mặt ở công trình hoặc vắng mặt quá 03 lần tại các thời điểm Chủ đầu tư kiểm tra mà không có lý do chính đáng và chưa được sự chấp thuận của Chủ đầu tư) hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong hợp đồng. Trong trường hợp này, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng [quy định tại ĐKCT] kể từ ngày nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc thay đổi nhân sự. Khi đó, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải cử người khác có đủ năng lực thay thế trong vòng 07 ngày khi nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư. Trừ trường hợp có thỏa

thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Nhà thầu tư vấn (TVGS) chịu và trong trường hợp này Nhà thầu tư vấn (TVGS) không được trì hoãn công việc của mình. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.

4. Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Chủ đầu tư chấp thuận.

5. Trường hợp thời gian làm việc của nhân sự phải kéo dài hoặc bổ sung nhân sự vì lý do tăng khối lượng công việc đã được thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu tư vấn (TVGS) thì chi phí phát sinh cần thiết này sẽ được thanh toán trên cơ sở thỏa thuận của Nhà thầu tư vấn (TVGS).

6. Nhà thầu tư vấn (TVGS) tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ,... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Nhà thầu tư vấn (TVGS) không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 15. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu tư vấn (TVGS).

Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do Nhà thầu tư vấn (TVGS) thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 16. Bảo hiểm

Nhà thầu tư vấn (TVGS) mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 17. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu tư vấn (TVGS) bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu tư vấn (TVGS).

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS):

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

Điều 18. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu tư vấn (TVGS) bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của Nhà thầu tư vấn (TVGS) và yêu cầu Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải thực

hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu tư vấn (TVGS)

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu tư vấn (TVGS). Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu tư vấn (TVGS) không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu tư vấn (TVGS) không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu tư vấn (TVGS) bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu tư vấn (TVGS) từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu tư vấn (TVGS) cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 17 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu tư vấn (TVGS) khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các Nhà thầu tư vấn (TVGS) này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

i) Nhân sự của Nhà thầu tư vấn (TVGS) không đảm bảo theo quy định và không thường xuyên có mặt giám sát tại công trình.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu tư vấn (TVGS)

Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

e) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng] và Điều 23 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 20. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn (TVGS) đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ trình cho Chủ đầu tư 10 bộ tài liệu

quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần giá trị mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS).

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn (TVGS) chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho Nhà thầu tư vấn (TVGS).

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 19 [Chấm dứt hợp đồng].

Khi có quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình: Nếu giá trị phê duyệt quyết toán nhỏ hơn giá trị đã thanh toán thì Nhà thầu phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư nộp trả vào ngân sách Nhà nước theo đúng qui định.

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại **ĐKCT**]:

Sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn (TVGS) cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu tư vấn (TVGS).

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là [quy định tại **ĐKCT**].

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian và phần công việc hoàn thành [quy định tại **ĐKCT**].

3. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu tư vấn (TVGS) hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

4. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu tư vấn (TVGS).

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không áp dụng

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là [quy định tại **ĐKCT**]

Khi Nhà thầu hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ thanh toán theo qui định gửi cho Chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ căn cứ vào hồ sơ nghiệm thu và kế hoạch vốn phân khai trong năm để thanh toán. Việc thanh toán được chia làm 01 lần:

Sau khi có biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu 100% giá trị được nghiệm thu.

Khi có quyết định phê duyệt quyết toán của cấp có thẩm quyền thì hai bên sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

Ngay sau khi có quyết định phê duyệt quyết toán công trình: Nếu giá trị phê duyệt quyết toán nhỏ hơn giá trị đã thanh toán thì Nhà thầu phải hoàn trả lại giá trị chênh lệch cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư nộp trả vào ngân sách Nhà nước theo đúng qui định.

Trong vòng [quy định tại **ĐKCT**], kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn, Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

Đối với hợp đồng trọn gói:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu tư vấn (TVGS).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành (Mẫu số 03.a/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu trong trường hợp có khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng ban đầu (Mẫu số 03.c/TT của Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công).

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu tư vấn (TVGS) bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giá trị cho những công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản đã tạm ứng, thanh toán

qua các giai đoạn.

4. Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại **ĐKCT**]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Tòa án Nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không

2. Phạt vi phạm hợp đồng

Phạt vi phạm hợp đồng thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 64 Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng.

Đối với Nhà thầu tư vấn (TVGS): [quy định tại **ĐKCT**].

Đối với Chủ đầu tư: Nếu không cung cấp kịp thời những tài liệu và thanh toán theo yêu cầu của tiến độ đã được xác định thì cũng sẽ bị phạt theo hình thức trên.

Ngoài ra phạt vi phạm hợp đồng còn căn cứ Nghị định số 16/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về xây dựng.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 26. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu tư vấn (TVGS) sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng.

Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là 10 bộ.

Điều 9. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng được xác định với số tiền: **20.181.891 đồng** (đã bao gồm thuế VAT). *Bằng chữ: Hai mươi triệu, một trăm tám mươi một nghìn, tám trăm chín mươi một đồng.*

Loại tiền được sử dụng: VNĐ.

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu, một trăm tám mươi một ngàn, tám trăm chín mươi một đồng.

Điều 10. Điều chỉnh hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất:

Đối với hợp đồng trọn gói: Trường hợp có phát sinh hợp lý những công việc ngoài phạm vi hợp đồng đã ký (đối với hợp đồng tư vấn là nằm ngoài nhiệm vụ tư vấn phải thực hiện).

Trường hợp này, khi điều chỉnh khối lượng không làm vượt giá gói thầu được phê duyệt thì chủ đầu tư và nhà thầu tính toán, thỏa thuận và ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng; trường hợp vượt giá gói thầu được phê duyệt thì phải được người có thẩm quyền quyết định đầu tư xem xét, quyết định; trường hợp thỏa thuận không được thì

khối lượng các công việc phát sinh đó sẽ hình thành gói thầu mới, việc lựa chọn nhà thầu để thực hiện gói thầu này theo quy định hiện hành.

2. Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, thống nhất:

a) Trường hợp thời hạn hoàn thành công việc tư vấn chậm so với tiến độ công việc của Hợp đồng do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu phải có giải pháp khắc phục để bảo đảm tiến độ hợp đồng. Nếu tiến độ thực hiện hợp đồng bị kéo dài so với tiến độ hợp đồng đã ký thì nhà thầu phải kiến nghị chủ đầu tư gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp phát sinh chi phí thì nhà thầu phải khắc phục bằng chi phí của mình. Nếu gây thiệt hại cho chủ đầu tư thì nhà thầu phải bồi thường.

b) Trường hợp thời hạn hoàn thành hợp đồng tư vấn chậm so với tiến độ của Hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư thì chủ đầu tư phải gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng. Trường hợp gây thiệt hại cho nhà thầu thì phải bồi thường.

Điều 14. Nhân lực của Nhà thầu tư vấn (TVGS)

3. Nhà thầu tư vấn (TVGS) phải gửi văn bản thông báo cho Chủ đầu tư trong vòng 05 ngày.

Điều 19. Chấm dứt hợp đồng

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 07 ngày.

Nhà thầu tư vấn (TVGS) không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày.

Nhà thầu tư vấn (TVGS) không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 22 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Nhà thầu tư vấn (TVGS) có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày.

Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian sau 45 ngày liên tục.

Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 24 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu tư vấn (TVGS) không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 14 ngày.

Điều 21. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành 1 lần.

Điều 22. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng với tổng thời gian thực hiện là **20 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Tiến độ chi tiết:

Thời gian thực hiện công tác giám sát khảo sát địa chất được tính từ khi bắt đầu khảo sát địa chất công trình và Chủ đầu tư bàn giao cho Nhà thầu tư vấn (TVGS) đầy đủ hồ sơ tài liệu kỹ thuật công trình cho đến ngày hoàn thành công tác khảo sát địa chất theo đúng tiến độ của nhà thầu đã ký với Chủ đầu tư.

Điều 23. Tạm ứng và thanh toán

1. Tạm ứng: Không.

2. Tiến độ thanh toán

Số lần thanh toán là 01 lần.

Khoảng thời gian Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn khi nhận đủ hồ sơ đề nghị thanh toán hợp lệ của Nhà thầu tư vấn là 07 ngày làm việc.

Điều 24. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Thời gian để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại là trong vòng 07 ngày.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Thời gian để tiến hành hòa giải là tối đa không quá 30 ngày.

Khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Tòa án Nhân dân theo quy định của pháp luật là trong vòng 28 ngày.

Giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng được quy định tại Điều 45 Nghị định 37/2015/NĐ-CP hướng dẫn về hợp đồng xây dựng.

Điều 25. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng

+ Phạt chậm tiến độ:

- Đối với Nhà thầu tư vấn: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng quá 10 ngày thì phạt 2% giá hợp đồng cho mỗi 05 ngày chậm, nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.

+ Phạt vi phạm quy định trong hoạt động đầu tư xây dựng theo Văn bản quy phạm pháp luật hiện hành;

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

- Ngoài mức phạt do vi phạm hợp đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 25, các bên còn phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 26. Điều khoản chung

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2024. Hiệu lực của hợp đồng cho đến khi có quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền và tất toán công trình.

Hợp đồng này bao gồm 23 trang và được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt có nội dung và giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 07 bản, Nhà thầu vấn (TVGS) sẽ giữ 03 bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU



TRẦN VÕ ĐÔNG GIANG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



ĐẠI TÁ LÊ VĂN VỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

BIÊN BẢN SỐ: 10/2024/NTGSKS

NGHIỆM THU BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT

Gói thầu TV-02 : Tư vấn khảo sát địa hình và khảo sát địa chất

Dự án : Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh.

Địa điểm : Xã Lợi Thuận, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh

1. Đối tượng nghiệm thu:

- Kết quả giám sát khảo sát địa chất Dự án: Đồn Biên phòng cửa khẩu quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh.

2. Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Đại diện Chủ đầu tư: **Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh**

- Trung tá **Phạm Đức Tuấn** Chức vụ: **Trưởng phòng Hậu cần Kỹ thuật**

Người được ủy quyền theo Quyết định số 57/GUQ-BCH ngày 05/11/2024.

b) Đại diện giám sát khảo sát: **Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang**

- Ông: **Trần Võ Đông Giang** Chức vụ: **Giám đốc**

- Ông: **Nguyễn Văn Sơn** Chức vụ: **Giám sát KS Địa chất**

3. Thời gian nghiệm thu:

Bắt đầu: lúc 10h00' ngày 30 tháng 12 năm 2024

Kết thúc: lúc 10h30' ngày 30 tháng 12 năm 2024

Địa điểm: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh

4. Đánh giá công tác giám sát khảo sát địa chất:

4.1 Công tác giám sát khảo sát địa chất hiện trường

- Công tác khảo sát địa chất công trình ngoài hiện trường được Nhà thầu khảo sát huy động 01 tổ khoan khảo sát và lấy mẫu bằng máy khoan chuyên dụng tập kết tại mặt bằng công trường.

Khối lượng công tác khảo sát địa chất ở hiện trường

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng		
			Theo nhiệm vụ khảo sát	Thực hiện	Nghiệm thu
1	Khoan xoay bơm rửa để lấy mẫu ở trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 30m. Cấp đất đá I -III	m khoan	150,0	150,0	150,0

2	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT. Cấp đất đá cấp I-III	1 lần TN	75,0	75,0	75,0
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	75,0	75,0	75,0
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	75,0	75,0	75,0
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo, giới hạn chảy	1 chỉ tiêu	75,0	75,0	75,0
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	75,0	75,0	75,0
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	75,0	75,0	75,0
8	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu tính nén lún trong điều kiện không nở hông	1 chỉ tiêu	75,0	75,0	75,0
9	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	75,0	75,0	75,0
10	Đo lưới khống chế mặt bằng. Tam giác hạng 4. Bộ thiết bị GPS (3 máy). Cấp địa hình III	điểm	2,0	2,0	2,0

- Công tác khoan khảo sát địa chất công trình ngoài hiện trường mà Nhà thầu khảo sát thực hiện là phù hợp theo nhiệm vụ khảo sát và phương án khảo sát đã được phê duyệt. Công tác lấy mẫu, bảo quản, vận chuyển mẫu đất đủ tin cậy để đưa mẫu đất vào phòng thí nghiệm trong phòng và lập báo cáo khảo sát địa chất. Công tác thí nghiệm hiện trường: thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT đảm bảo độ tin cậy để phục vụ công tác thiết kế.

- Công tác khoan được áp dụng theo đúng quy trình và tuân thủ theo quy trình khoan thăm dò địa chất công trình theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 9437:2012 mà nhiệm vụ khảo sát và phương án kỹ thuật đã đề ra. Công tác khoan được thực hiện bằng máy khoan XY-1 (Trung Quốc sản xuất) và các thiết bị chuyên dùng đi kèm (cần khoan, ống mẫu, ...). Thực hiện bằng phương pháp khoan xoay bơm rửa bằng dung dịch sét bentonite, với đường kính hố khoan $\phi 110\text{mm}$.

- Công tác lấy mẫu và bảo quản mẫu nguyên dạng tại hiện trường được áp dụng theo đúng quy trình và tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 2683:2012 mà nhiệm vụ khảo sát và phương án kỹ thuật đề ra.

- Công tác thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT trong hố khoan được áp dụng theo đúng quy trình và tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 9351:2012 mà nhiệm vụ khảo sát và phương án kỹ thuật đề ra.

- Công tác vệ sinh môi trường và an toàn lao động trong khảo sát: Nhà thầu khảo sát đã giữ gìn vệ sinh môi trường và đảm bảo an toàn lao động trong quá trình khảo sát không gây thiệt hại đến môi trường và con người.

4.2 Công tác giám sát thí nghiệm cơ lý đất trong phòng thí nghiệm

- Công tác thí nghiệm mẫu đất trong phòng được Nhà thầu khảo sát thực hiện tại Phòng thí nghiệm kiểm định chuyên ngành xây dựng thuộc Chi nhánh Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế và Đầu tư xây dựng - Bộ Quốc Phòng.

- Phòng thí nghiệm kiểm định chuyên ngành xây dựng tiến hành thí nghiệm với tất cả các mẫu đất, các chỉ tiêu thí nghiệm bằng các thiết bị thí nghiệm với thời gian kiểm định thiết bị vẫn còn hiệu lực.

5. Kết luận:

- Công tác khoan khảo sát địa chất công trình tại hiện trường và thực hiện thí nghiệm mẫu trong phòng mà Nhà thầu khảo sát thực hiện là đạt yêu cầu theo phương án khảo sát được duyệt. Đảm bảo độ tin cậy để phục vụ cho công tác lập báo cáo kỹ thuật.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ ^{dm}



Trung tá Phạm Đức Tuấn

NHÀ THẦU GIÁM SÁT KHẢO SÁT



Trần Võ Đông Giang

BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Mã dự án: 7004686

Tên dự án: Đơn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh

Tên gói thầu: Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị đầu tư

Căn cứ hợp đồng số: 10/2024/HĐ-TVGS, ngày 15 tháng 10 năm 2024;

Phụ lục bổ sung hợp đồng

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự toán số (trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng):

ngày tháng năm

Chủ đầu tư: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh

Nhà thầu (đơn vị thực hiện trong trường hợp thực hiện không thông qua hợp đồng): Công ty TNHH XD-TM-DV-SX Phát Hưng Khang

Thanh toán lần thứ: 01

Căn cứ xác định:

Biên bản nghiệm thu số: 10/2024/NTGSKS ngày 15 tháng 10 năm 2024.

Đơn vị: Đồng

Số TT	Tên công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Đơn giá thanh toán theo hợp đồng hoặc dự toán	Thành tiền			Ghi chú			
			Tổng số	Thực hiện			Theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện kỳ này	Lũy kế đến hết kỳ trước		Lũy kế đến hết kỳ này		
				Lũy kế theo hợp đồng hoặc dự toán	Thực hiện kỳ này							Lũy kế đến hết kỳ này	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]	[12]	[13]	
1	Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị đầu tư	đồng	100%		100%	100%	20.181.891	20.181.891		20.181.891		20.181.891	
	TỔNG CỘNG		100%		100%		20.181.891	20.181.891		20.181.891		20.181.891	

1. Giá trị hợp đồng (giá trị dự toán được duyệt trong trường hợp thực hiện không thông qua hợ

20.181.891

đồng

2. Giá trị tạm ứng còn lại chưa thu hồi đến cuối kỳ trước:

0

đồng

3. Số tiền đã thanh toán khối lượng hoàn thành cho đến cuối kỳ trước:

0

đồng

4. Lũy kế giá trị khối lượng thực hiện đến cuối kỳ này:

20.181.891

đồng

5. Thanh toán đề thu hồi tạm ứng:

0

đồng

6. Giá trị đề nghị giải ngân kỳ này:

20.181.891 đồng

Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu, một trăm tám mươi một nghìn, tám trăm chín mươi đồng. (là số tiền đề nghị giải ngân kỳ này), trong đó:

+ Tạm ứng:

0 đồng

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:

20.181.891 đồng

7. Lũy kế giá trị giải ngân:

20.181.891 đồng, trong đó:

+ Tạm ứng:

0 đồng

+ Thanh toán khối lượng hoàn thành:

20.181.891 đồng

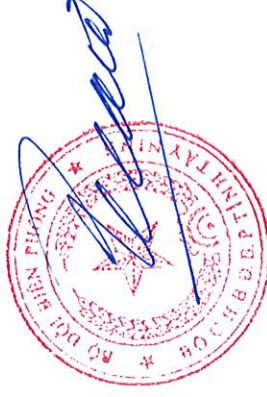
Tây Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2024

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)



Trần Võ Đông Giang

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Đại tá Lê Văn Vỹ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG TƯ VẤN

**Gói thầu: Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng
giai đoạn chuẩn bị đầu tư**

**Dự án: Đồn Biên phòng cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh
Tây Ninh**

Căn cứ Hợp đồng số: 10/2024/HĐ-TVGS ngày 15 tháng 10 năm 2024 được ký kết giữa Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH XD – TM – DV - SX Phát Hưng Khang về việc Tư vấn giám sát công tác khảo sát xây dựng giai đoạn chuẩn bị đầu tư thuộc Dự án: Đồn Biên phòng của khẩu Quốc tế Mộc Bài/Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Biên bản nghiệm thu Báo cáo kết quả giám sát khảo sát địa chất số: 10/2024/NTGSKS ngày 30 tháng 10 năm 2024.

Hôm nay, ngày 31 tháng 12 năm 2024, chúng tôi gồm:

BÊN GIAO THẦU (sau đây gọi tắt **Chủ đầu tư hoặc bên A**)

- Tên đơn vị: Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Tây Ninh
- Đại diện: Ông **Lê Văn Vỹ** - Đại tá - Chỉ huy trưởng
- Địa chỉ: Số 395 CMT phường 3, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.
- Tài khoản: 9552 1 7004686 Tại: Kho bạc Nhà nước tỉnh Tây Ninh.
- Mã số thuế: 3900410780

Và bên kia là :

BÊN NHẬN THẦU (sau đây gọi tắt là **bên B**)

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH XD – TM – DV – SX Phát Hưng Khang**
- Đại diện: Ông **Trần Võ Đông Giang** Chức vụ: Giám Đốc
- Địa chỉ: số 73, đường Nguyễn Hữu Thọ, khu phố Hiệp Thạnh, phường Hiệp Ninh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Tài khoản: 6612164007 Tại: Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh.
- Mã số thuế: 3901219829

Cùng thỏa thuận thanh lý Hợp đồng số: 10/2024/HĐ-TVGS ngày 15 tháng 10 năm 2024 đã được ký kết với các nội dung sau:

ĐIỀU 1: GIÁ TRỊ THANH QUYẾT TOÁN

1. Giá trị quyết toán hợp đồng: 20.181.891 đồng
2. Giá trị đã thanh toán: 20.181.891 đồng

3. Giá trị còn phải thanh toán: 0 đồng

Bằng chữ: (Hai mươi triệu, một trăm tám mươi một nghìn, tám trăm chín mươi một đồng)./

ĐIỀU 2: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

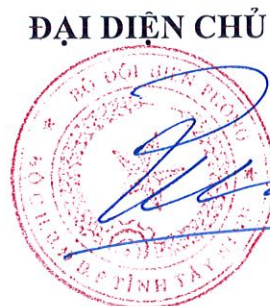

Sau khi ký thanh lý và Bên A thanh toán khoản tiền cho Bên B thì 02 Bên sẽ chấm dứt những quan hệ ràng buộc từ quy định của hợp đồng nêu trên. Những vấn đề sau này phát sinh sau ngày biên bản thanh lý này có hiệu lực đều không thuộc phạm vi giải quyết của Bên A lẫn Bên B.

Biên bản thanh lý này có hiệu lực kể từ ngày ký, biên bản được lập thành 08 bản, bên A giữ 06 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU
Giám đốc



Trần Võ Đông Giang

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ



Đại tá Lê Văn Vỹ

